

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC SINH
HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2023 - 2024**

(Kèm theo Quyết định số 186/QĐ-KTCNVH-HSSV ngày 19/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương)

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
A	KHÓA 21K15							
I. KHOA KỸ THUẬT LẠNH								
Nghề vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh								
1	1	21CĐL1	21CĐL1.008	Văn Công Quốc	05/12/1992	91	Xuất sắc	TTTN
2	2	21CĐL1	21CĐL1.005	Huỳnh Gia Hưng	01/09/2006	90	Xuất sắc	TTTN
3	3	21CĐL1	21CĐL1.002	Phạm Văn Phúc	26/01/1997	90	Xuất sắc	TTTN
4	4	21CĐL1	21CĐL1.003	Trần Minh Sang	07/10/2003	90	Xuất sắc	TTTN
5	5	21CĐL1	21CĐL1.001	Trần Ngọc Bảo Duy	18/11/2002	0	Yếu	
6	6	21CĐL1	21CĐL1.006	Ngô Tuấn Khanh	14/02/2005	0	Yếu	
7	7	21CĐL1	21CĐL1.007	Võ Quốc Minh	20/05/2006	0	Yếu	
8	8	21CĐL1	21CĐL1.009	Nguyễn Thành Chiến	26/11/2005	0	Yếu	
Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí								
9	1	21KTL2	21KTL1.007	Trần Khắc Thành	17/10/2000	100	Xuất sắc	TTTN
10	2	21KTL2	21KTL2.003	Lê Thành Nhân	08/12/2006	100	Xuất sắc	TTTN
11	3	21KTL2	21KTL2.012	Phan Minh Anh Tú	28/06/2006	92	Xuất sắc	TTTN
12	4	21KTL2	21KTL2.014	Trương Tấn Đạt	20/11/2005	92	Xuất sắc	TTTN
13	5	21KTL2	21KTL2.011	Lương Minh Huy	18/12/2006	91	Xuất sắc	TTTN
14	6	21KTL2	21KTL2.004	Hà Ngọc Thắng	18/09/2006	90	Xuất sắc	TTTN
15	7	21KTL2	21KTL2.013	Trần Hiếu Nghĩa	28/7/2006	90	Xuất sắc	TTTN
16	8	21KTL2	21CĐL2.018	Trần Thanh Hùng	10/11/2005	81	Tốt	TTTN
17	9	21KTL2	21CNO2.070	Phạm Minh Tiến	15/04/2006	0	Yếu	
18	10	21KTL2	21KTL2.002	Nguyễn Văn Lộc	23/01/2004	0	Yếu	
19	11	21KTL2	21KTL2.005	Lê Tuấn Anh	1/6/2006	0	Yếu	
20	12	21KTL2	21KTL2.006	Dương Xuân Cảnh	29/04/2006	0	Yếu	
21	13	21KTL2	21KTL2.010	Trần Quốc Bảo	31/01/2006	0	Yếu	
II. KHOA ĐIỆN								
Nghề Điện công nghiệp								
22	1	21ĐCN2	21ĐCN1.002	Huỳnh Vĩnh Thông	26/5/2004	87	Tốt	TTTN
23	2	21ĐCN2	21ĐCN2.001	Võ Nghiệp Hồng	25/09/2006	87	Tốt	TTTN
24	3	21ĐCN2	21ĐCN2.003	Phạm Huỳnh Hoài Phương	11/08/1995	87	Tốt	TTTN
25	4	21ĐCN2	21CĐL2.017	Văn Công Hào Thành	01/10/2006	0	Yếu	
26	5	21ĐCN2	21ĐCN2.004	Vương Bá Thịnh	05/08/2006	0	Yếu	
27	6	21ĐCN2	21ĐCN2.005	Trần Huy Phát	05/04/2005	0	Yếu	
28	7	21ĐCN2	21ĐCN2.007	Chống Trí Long	30/3/2006	0	Yếu	
29	8	21ĐCN2	21ĐCN2.008	Bùi Trung Tín	6/11/2004	0	Yếu	
III. KHOA ĐIỆN TỬ								
Nghề Điện tử công nghiệp								
30	1	21ĐTCN2	21ĐTCN2.001	Lưu Chí Hải	26/05/2006	88	Tốt	TTTN
31	2	21ĐTCN2	21ĐTCN2.006	Lê Văn Thoại	23/3/2006	85	Tốt	TTTN
32	3	21ĐTCN2	21ĐTCN2.005	Trần Thanh Thắng	08/09/2000	85	Tốt	TTTN
33	4	21ĐTCN2	21ĐTCN2.004	Nguyễn Triệu Thuận	02/07/1999	70	Khá	TTTN
34	5	21ĐTCN2	21ĐTCN2.002	Nguyễn Hồ Bảo Luân	06/03/2006	70	Khá	TTTN
35	6	21ĐTCN2	21ĐTCN2.003	Hà Kiện Quân	20/11/2004	0	KXL	Thôi học
Nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính								
36	1	21SCMT2	21SCMT2.031	Võ Minh Bảo	12/2/2002	90	Xuất sắc	
37	2	21SCMT2	21SCMT2.003	Lữ Mạnh Tiến	05/05/2005	89	Tốt	TTTN
38	3	21SCMT2	21SCMT2.021	Nguyễn Tấn Trung	27/09/2006	89	Tốt	TTTN
39	4	21SCMT2	21SCMT1.009	Nguyễn Trọng Vinh	30/12/1999	89	Tốt	TTTN
40	5	21SCMT2	21SCMT2.011	Trần Hoàng Phúc	15/03/2006	89	Tốt	TTTN
41	6	21SCMT2	21SCMT2.013	Nguyễn Lê Minh Lâm	31/01/2005	87	Tốt	TTTN
42	7	21SCMT2	21SCMT2.042.Q6	Tiết Ngọc Quý	09/04/2006	85	Tốt	TTTN
43	8	21SCMT2	21SCMT2.015	Lý Hoài Nam	25/07/1994	84	Tốt	TTTN
44	9	21SCMT2	21SCMT2.017	Nguyễn Phúc Toàn	24/07/2006	84	Tốt	TTTN
45	10	21SCMT2	21SCMT1.001	Nguyễn Khánh Hoàng	22/10/1995	82	Tốt	TTTN
46	11	21SCMT2	21SCMT2.030	Huỳnh Quốc Bảo	19/05/2003	82	Tốt	TTTN
47	12	21SCMT2	21SCMT2.012	Phan Nhựt Hải Đăng	09/06/2006	81	Tốt	TTTN
48	13	21SCMT2	21SCMT2.014	Ngô Chí Lương	03/03/2006	81	Tốt	TTTN
49	14	21SCMT2	21SCMT2.008	Đỗ Xuân Hoà Hưng	20/04/2006	79	Khá	TTTN
50	15	21SCMT2	21SCMT2.019	Lê Toàn Thành	28/11/2006	79	Khá	TTTN

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
51	16	21SCMT2	21SCMT2.007	Lâm Chí Hằng	10/10/2006	76	Khá	TTTN
52	17	21SCMT2	21SCMT1.002	Lâm Chí Hùng	19/06/2006	0	Yếu	
53	18	21SCMT2	21SCMT1.003	Nguyễn Hữu Nhân	13/08/2006	0	Yếu	
54	19	21SCMT2	21SCMT1.004	Nguyễn Văn Thanh Phương	08/12//2006	0	Yếu	
55	20	21SCMT2	21SCMT2.026	Phan Tuấn An	21/05/2005	0	Yếu	
56	21	21SCMT2	21SCMT2.022	Lư Sỹ Anh	19/08/2006	0	Yếu	
57	22	21SCMT2	21CĐL2.002	Trần Công Danh	09/05/2006	0	Yếu	
58	23	21SCMT2	21SCMT2.001	Chu Trần Quốc Dũng	14/07/2000	0	Yếu	
59	24	21SCMT2	21SCMT2.009	Hà Vĩ Kiệt	12/01/2006	0	Yếu	
60	25	21SCMT2	21SCMT2.010	Ngô Lê Quốc Khánh	11/08/2004	0	Yếu	
61	26	21SCMT2	21SCMT2.023	Vòng Tuấn Lạc	21/08/2006	0	Yếu	
62	27	21SCMT2	21SCMT2.002	Huỳnh Tiến Phát	21/07/2006	0	Yếu	
63	28	21SCMT2	21SCMT2.024	Cao Hoàng Nguyên Khang	10/04/2006	0	Yếu	
64	29	21SCMT2	21SCMT2.016	Lý Trần Quyền	13/03/2006	0	Yếu	
65	30	21SCMT2	21SCMT2.018	Tiêu Khải Tuấn	22/06/2006	0	Yếu	
66	31	21SCMT2	21SCMT2.005	Phạm Ngọc Thành	29/11/2006	0	Yếu	
67	32	21SCMT2	21SCMT2.006	Nguyễn Cao Thắng	03/07/2005	0	Yếu	
68	33	21SCMT2	21SCMT2.025	Phạm Trường Vũ	18/09/2006	0	Yếu	
69	34	21SCMT2	21SCMT2.026.Q6	Trần Tuấn Anh	08/12/2006	0	Yếu	
70	35	21SCMT2	21SCMT2.027.Q6	Võ Minh Gia Bảo	30/09/2006	0	Yếu	
71	36	21SCMT2	21SCMT2.028.Q6	Ngụy Đình Giang	19/06/2006	0	Yếu	
72	37	21SCMT2	21SCMT2.030.Q6	Nguyễn Quý Hoài	20/06/2002	0	Yếu	
73	38	21SCMT2	21SCMT2.031.Q6	Phan Đỗ Huy	10/05/2006	0	Yếu	
74	39	21SCMT2	21SCMT2.032.Q6	Trần Quốc Khang	18/01/2006	0	Yếu	
75	40	21SCMT2	21SCMT2.035.Q6	Lê Hoàng Khôi Nguyên	24/09/2002	0	Yếu	
76	41	21SCMT2	21SCMT2.037.Q6	Từ Tuấn Quy	01/09/2006	0	Yếu	
77	42	21SCMT2	21SCMT2.038.Q6	Dương Hoàng Thái	03/12//2006	0	Yếu	
78	43	21SCMT2	21SCMT2.039.Q6	Nguyễn Quốc Thái	13/01/2006	0	Yếu	
79	44	21SCMT2	21SCMT2.040.Q6	Trần Thị Thu Thanh	31/10/2006	0	Yếu	
80	45	21SCMT2	21SCMT2.041.Q6	Trần Khắc Trường Vinh	22/05/2006	0	Yếu	
81	46	21SCMT2	21CĐT1.006	Trần Quốc Trọng	09/12/2006	0	Yếu	
82	47	21SCMT2	21SCMT1.008	Nguyễn Minh Quang	26/03/1998	0	Yếu	
83	48	21SCMT2	21SCMT2.029	Trần Phước Lợi	15/03/2006	0	Yếu	
84	49	21SCMT2	21SCMT2.032	Nguyễn Đăng Quang	17/12/2002	0	Yếu	
85	50	21SCMT2	21SCMT1.011	Nguyễn Bình Phương Nam	21/11/2001	0	Yếu	
IV. BỘ MÔN KỸ THUẬT NỮ CÔNG								
Nghề May thời trang								
86	1	21MTT2	21MTT1.001	Chen Chiêu An	16/11/1998	81	Tốt	TTTN
87	12	21MTT2	21MTT2.006	Lê Đỗ Bích Quyên	15/07/2006	80	Tốt	TTTN
88	2	21MTT2	21TKĐH2.154	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	18/04/2006	77	Khá	TTTN
89	3	21MTT2	21MTT2.015	Khuru Nguyễn Bảo Trâm	05/12/2006	76	Khá	TTTN
90	4	21MTT2	21MTT2.005	Lưu Kim My	02/10/2006	75	Khá	TTTN
91	5	21MTT2	21MTT2.016	Nguyễn Ngọc Vy	04/05/2006	74	Khá	TTTN
92	6	21MTT2	21QTM2.009	Trịnh Kim Anh	28/07/2006	73	Khá	TTTN
93	7	21MTT2	21MTT2.009	Nguyễn Hoàng Tuyết Anh	27/05/2006	72	Khá	TTTN
94	8	21MTT2	21MTT2.004	Lê Thị Thanh Thúy	04/08/2005	71	Khá	TTTN
95	9	21MTT2	21MTT2.017	Diệp Trà My	08/10/2006	70	Khá	TTTN
96	10	21MTT2	21MTT2.001	Chiu Thy Kỳ	30/01/2006	0	Yếu	
97	11	21MTT2	21MTT2.008	Lê Thị Thảo Vy	11/10/2006	0	Yếu	
98	13	21MTT2	21MTT1.004	Chu Lâm Tường Vy	29/01/2006	0	Yếu	
99	14	21MTT2	21MTT2.018	Lương Bảo Ngọc	13/08/2006	0	Yếu	
100	15	21MTT2	21MTT2.003	Phạm Đăng Phương Thảo	10/12/2006	0	Yếu	
101	16	21MTT2	21MTT2.013	Lê Nguyễn Phương Oanh	01/09/2006	0	Yếu	
102	17	21MTT2	21CNO2.180	Trần Minh Khang	22/04/2006	0	Yếu	
103	18	21MTT2	21MTT1.005	Lư Bội Quân	09/05/2006	0	Yếu	
104	19	21MTT2	21MTT2.021	Trần Mỹ Dung	15/05/2006	0	Yếu	
105	20	21MTT2	21MTT2.011	Đặng Nguyễn Trà My	16/11/2006	0	Yếu	
106	21	21MTT2	21TKĐH2.172.Q6	Bùi Thị Bích Ngọc	04/04/2006	0	Yếu	
107	22	21MTT2	21MTT2.023	Lê Hoàng Kim	25/1/1999	0	Yếu	
108	23	21MTT2	21MTT2.010	Trần Phan Minh Hằng	03/11/2006	0	KXL	Bảo lưu
109	24	21MTT2	21MTT2.022	Trịnh Gia Hân	02/10/2006	0	KXL	Thôi học
V. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN								
Nghề Quản trị mạng máy tính								
110	1	21QTM1	21QTM1.003	Trần Ngọc Quý	15/01/1997	84	Tốt	
111	2	21QTM1	21QTM1.002	Trần Khánh Trung Nhật	09/11/1999	78	Khá	
112	3	21QTM1	21QTM1.008	Trần Nguyễn Hoàng Phúc Duy	15/01/2003	0	Yếu	
113	4	21QTM1	21QTM1.005	Nguyễn Trung Kiên	16/06/2003	0	Yếu	
114	5	21QTM1	21QTM1.010	Ninh Văn Hoàng Đạt	14/10/2006	0	Yếu	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
115	6	21QTM2	21QTM2.042	Quách Quang Minh	10/11/2006	88	Tốt	
116	7	21QTM2	21QTM2.029	Trịnh Tấn Tín	10/11/2006	88	Tốt	
117	8	21QTM2	21QTM2.049	Phan Thị Bích Tuyền	22/07/2005	87	Tốt	
118	9	21QTM2	21QTM2.061	Trần Hoàng Bảo Châu	29/12/2006	86	Tốt	
119	10	21QTM2	21QTM2.068	Võ Ngọc Thiên Minh	09/06/2006	85	Tốt	
120	11	21QTM2	21QTM2.067	Ngô Hữu Lộc	06/03/2005	84	Tốt	
121	12	21QTM2	21QTM2.021	Hồ Khải Kiệt	26/05/2006	83	Tốt	
122	13	21QTM2	21QTM2.004	Lê Trần Gia Hưng	27/10/2006	81	Tốt	
123	14	21QTM2	21QTM2.071	Vũ Lê Phước Sang	02/12/2006	81	Tốt	
124	15	21QTM2	21CNO2.195	Tăng Lạc Tuấn	18/03/2006	81	Tốt	
125	16	21QTM2	21QTM2.060	Nguyễn Phan Gia Bảo	11/09/2006	81	Tốt	
126	17	21QTM2	21QTM2.055	Trần Hán Văn	10/03/2006	81	Tốt	
127	18	21QTM2	21QTM2.052	Nguyễn Minh Thiệu	01/08/2006	81	Tốt	
128	19	21QTM2	21QTM2.033	Phạm Hoàng Bảo	11/06/2006	81	Tốt	
129	20	21QTM2	21QTM2.051	Huỳnh Ngọc Minh Thành	14/08/2005	81	Tốt	
130	21	21QTM2	21QTM2.045	Bành Gia Phát	04/02/2005	81	Tốt	
131	22	21QTM2	21QTM2.024	Võ Huỳnh Tấn Phát	16/08/2006	81	Tốt	
132	23	21QTM2	21QTM2.022	Thái Kim Bảo Ngân	06/11/2006	80	Tốt	
133	24	21QTM2	21QTM2.078	Trương Đức Vinh	14/01/2006	79	Khá	
134	25	21QTM2	21QTM2.016	Phạm Huỳnh Anh Duy	08/07/2005	78	Khá	
135	26	21QTM2	21QTM2.001	Võ Thị Thu Ngân	02/03/2004	78	Khá	
136	27	21QTM2	21QTM2.079	Bành Tuấn Vinh	29/12/2006	78	Khá	
137	28	21QTM2	21QTM2.003	Lý Bội Hân	29/08/2006	78	Khá	
138	29	21QTM2	21QTM2.070	Phạm Đình Quân	19/09/2006	78	Khá	
139	30	21QTM2	21QTM2.064	Bùi Tuấn Huy	20/07/2006	78	Khá	
140	31	21QTM2	21CBL2.006	Trương Duy Tân	27/04/2006	78	Khá	
141	32	21QTM2	21QTM2.086	Mai Phước Huy	07/12/2006	77	Khá	
142	33	21QTM2	21CNO2.164	Võ Văn Thảo	21/7/2000	77	Khá	
143	34	21QTM2	21QTM2.023	Nguyễn Ngọc Văn Nghĩa	22/06/2006	77	Khá	
144	35	21QTM2	21QTM2.043	Phạm Nguyễn Hoàng Như	22/09/2005	76	Khá	
145	36	21QTM2	21QTM2.095	Nguyễn Thanh Vân	19/09/2005	76	Khá	
146	37	21QTM2	21QTM2.032	Trương Trí Thông	09/06/2005	75	Khá	
147	38	21QTM2	21QTM2.038	Hà Văn Hoa	25/07/2006	75	Khá	
148	39	21QTM2	21QTM2.087	Quách Thành Tân	03/10/2005	72	Khá	
149	40	21QTM2	21CNO2.015	Trần Đình Anh Khôi	01/12/2006	72	Khá	
150	41	21QTM2	21MTT2.020	Phan Thị Ngọc Phượng	28/09/2006	71	Khá	
151	42	21QTM2	21QTM2.069	Trần Ngọc Lan Phương	15/03/2006	66	Trung bình	
152	43	21QTM2	21QTM2.077	Đình Như Trội	14/11/2006	63	Trung bình	
153	44	21QTM2	21TKDH2.009	Nguyễn Đăng Khoa	18/01/2006	0	Yếu	
154	45	21QTM2	21QTM2.020	Trương Gia Kiên	09/01/2006	0	Yếu	
155	46	21QTM2	21QTM2.093	Nguyễn Hùng Dũng	07/02/2005	0	Yếu	
156	47	21QTM2	21QTM2.092	Lý Kiến Hào	19/09/2006	0	Yếu	
157	48	21QTM2	21QTM2.018	Đoàn Văn Quốc Hào	30/03/2006	0	Yếu	
158	49	21QTM2	21QTM2.090	Huỳnh Thiên Phúc	15/01/2006	0	Yếu	
159	50	21QTM2	21QTM2.017	Nguyễn Tùng Thiện	14/08/2006	0	Yếu	
160	51	21QTM2	21QTM2.089	Nguyễn Đặng Huỳnh Anh	21/08/2006	0	Yếu	
161	52	21QTM2	21QTM2.088	Quang Nguyệt Tâm	31/10/2006	0	Yếu	
162	53	21QTM2	21QTM2.014	Nguyễn Dương Gia Bảo	13/01/2006	0	Yếu	
163	54	21QTM2	21QTM2.013	Đào Vũ Bảo	01/07/2006	0	Yếu	
164	55	21QTM2	21QTM2.084	Nguyễn Thanh Nhật	08/12/2006	0	Yếu	
165	56	21QTM2	21QTM2.083	Nguyễn Thái Bảo Trâm	22/10/2004	0	Yếu	
166	57	21QTM2	21QTM2.081	Thái Nguyễn Quốc Huy	03/08/2005	0	Yếu	
167	58	21QTM2	21QTM2.008	Huỳnh Gia An	27/08/2006	0	Yếu	
168	59	21QTM2	21QTM2.080	Nguyễn Dương Hoàng Huy	24/07/2006	0	Yếu	
169	60	21QTM2	21QTM2.006	Võ Thành Trung	16/03/2006	0	Yếu	
170	61	21QTM2	21QTM2.005	Thống Hưng Thành	20/10/2006	0	Yếu	
171	62	21QTM2	21QTM2.076	Trần Đoàn Thọ	25/07/2006	0	Yếu	
172	63	21QTM2	21QTM2.075	Trương Anh Tuấn	03/12/2006	0	Yếu	
173	64	21QTM2	21QTM2.002	Vòng Viễn Chân	01/04/2006	0	Yếu	
174	65	21QTM2	21QTM2.074	Lê Huỳnh Minh Tiến	31/08/2006	0	Yếu	
175	66	21QTM2	21QTM2.073	kiến đức tiên	12/03/2006	0	Yếu	
176	67	21QTM2	21QTM2.072	Nguyễn Tấn Tài	30/10/2006	0	Yếu	
177	68	21QTM2	21CNO2.108	Trần Hữu Thuận	24/05/2006	0	Yếu	
178	69	21QTM2	21QTM2.066	Tô Ngọc Bảo Khang	28/02/2006	0	Yếu	
179	70	21QTM2	21QTM2.065	La Minh Kiệt	11/09/2006	0	Yếu	
180	71	21QTM2	21QTM2.063	Phạm Anh Duy	28/11/2006	0	Yếu	
181	72	21QTM2	21QTM2.059	Tăng Gia Bảo	23/04/2006	0	Yếu	
182	73	21QTM2	21QTM2.057	Nguyễn Dương Hoàng Vũ	23/09/2006	0	Yếu	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
183	74	21QTM2	21QTM2.054	Phùng Ngọc Anh Trung	03/11/2006	0	Yếu	
184	75	21QTM2	21QTM2.053	Đỗ Quan Trinh	06/01/2006	0	Yếu	
185	76	21QTM2	21QTM2.048	Hồng Quý Tùng	10/05/1992	0	Yếu	
186	77	21QTM2	21QTM2.047	Hồng Quang Quý	18/10/2006	0	Yếu	
187	78	21QTM2	21QTM2.046	Phạm Hữu Phúc	07/08/2006	0	Yếu	
188	79	21QTM2	21QTM2.041	Huỳnh Nhật Minh	02/10/2006	0	Yếu	
189	80	21QTM2	21QTM2.037	Sali Lê Hiếu	31/03/2006	0	Yếu	
190	81	21QTM2	21QTM2.036	Mai Văn Hiếu	15/08/2006	0	Yếu	
191	82	21QTM2	21QTM2.035	Nguyễn Thanh Giàu	09/10/2006	0	Yếu	
192	83	21QTM2	21QTM2.034	Hà Hoàng Đạt	17/06/2006	0	Yếu	
193	84	21QTM2	21QTM2.031	Lâm Trường Thọ	21/06/2006	0	Yếu	
194	85	21QTM2	21QTM2.028	Lê Ngọc Cẩm Tài	24/08/2006	0	Yếu	
195	86	21QTM2	21QTM2.025	Trần Vĩ Phú	19/02/2006	0	Yếu	
196	87	21QTM2	21QTM2.094	Cám Mỹ Quân	21/02/2006	66	KXL	Thôi học
Nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính								
197	1	21TKĐH2	21TKĐH2.132	Nguyễn Đức Tín	07/04/2004	89	Tốt	
198	2	21TKĐH2	21TKĐH2.052	Nguyễn Đức Toàn	29/11/2006	85	Tốt	
199	3	21TKĐH2	21TKĐH2.123	Lưu Bội Nhi	04/07/2006	85	Tốt	
200	4	21TKĐH2	21TKĐH2.010	Hoặc Gia Lạc	17/10/2006	84	Tốt	
201	5	21TKĐH2	21MTT2.019	Ngô Thị Như Dung	14/07/2005	83	Tốt	
202	6	21TKĐH2	21TKĐH2.100	Mai Triển Đạt	19/08/2006	83	Tốt	
203	7	21TKĐH2	21TKĐH2.067	Lý Bảo An	22/10/2006	83	Tốt	
204	8	21TKĐH2	21TKĐH2.029	Nguyễn Bình Phương Ánh	14/08/2006	83	Tốt	
205	9	21TKĐH2	21TKĐH2.030	Nguy Ngọc Hoàng Duy	14/12/2006	83	Tốt	
206	10	21TKĐH2	21TKĐH2.116	Hoàng Ngọc Mai	22/04/2006	83	Tốt	
207	11	21TKĐH2	21TKĐH2.056	Hồ Trường Thịnh	26/09/2006	83	Tốt	
208	12	21TKĐH2	21TKĐH2.142	Trần Bảo Trân	20/10/2006	83	Tốt	
209	13	21TKĐH2	21TKĐH2.131	Lý Mỹ San	07/03/2006	82	Tốt	
210	14	21TKĐH2	21TKĐH2.058	Đặng Gia Thuận	12/04/2004	81	Tốt	
211	15	21TKĐH2	21TKĐH2.022	Lê Thị Cẩm Tiên	16/09/2005	81	Tốt	
212	16	21TKĐH2	21TKĐH2.032	Ngô Cao Huy	21/04/2006	80	Tốt	
213	17	21TKĐH2	21TKĐH2.069	Quách Mai Tuấn Dũng	03/04/2006	80	Tốt	
214	18	21TKĐH2	21TKĐH2.074	Quách Khánh Huy	28/06/2006	80	Tốt	
215	19	21TKĐH2	21TKĐH2.087	Quách Mai Kỳ Tịnh	03/04/2006	80	Tốt	
216	20	21TKĐH2	21TKĐH2.072	Dương Gia Hân	06/09/2006	80	Tốt	
217	21	21TKĐH2	21TKĐH2.073	Vương Diệu Hiền	23/06/2005	80	Tốt	
218	22	21TKĐH2	21QTM2.085	Giang Chí Huy	16/06/2006	80	Tốt	
219	23	21TKĐH2	21TĐH2.002	Nguyễn Quang Khải	01/05/2006	80	Tốt	
220	24	21TKĐH2	21QTM2.091	Nguyễn Trung Hậu	27/10/2005	80	Tốt	
221	25	21TKĐH2	21TKĐH2.083	Tô Nguyễn Phương Nhi	23/05/2006	80	Tốt	
222	26	21TKĐH2	21TKĐH2.012	Lý Gia Minh	05/10/2006	80	Tốt	
223	27	21TKĐH2	21TKĐH2.014	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	16/04/2006	80	Tốt	
224	28	21TKĐH2	21TKĐH2.015	Nguyễn Thị Phương Nhi	22/12/2006	80	Tốt	
225	29	21TKĐH2	21TKĐH2.090	Diệp Thuận Thái	04/03/2006	80	Tốt	
226	30	21TKĐH2	21TKĐH2.028	Nguyễn Thái An	08/05/2006	80	Tốt	
227	31	21TKĐH2	21TKĐH2.042	Nguyễn Thanh Ngân	18/11/2006	80	Tốt	
228	32	21TKĐH2	21TKĐH2.057	Nguyễn An Thịnh	26/10/2006	80	Tốt	
229	33	21TKĐH2	21TKĐH2.060	Huỳnh Ngọc Trâm	28/08/2006	80	Tốt	
230	34	21TKĐH2	21TKĐH2.066	Nguyễn Hữu Thiện	09/02/2006	80	Tốt	
231	35	21TKĐH2	21TKĐH2.140	Trần Minh Thư	28/07/2006	80	Tốt	
232	36	21TKĐH2	21TKĐH2.141	Trần Ngọc Bảo Trân	26/09/2006	80	Tốt	
233	37	21TKĐH2	21TKĐH2.152	La Khải Vinh	17/03/2003	80	Tốt	
234	38	21TKĐH2	21TKĐH2.114	Huỳnh Đăng Khoa	12/11/2006	80	Tốt	
235	39	21TKĐH2	21TKĐH2.034	Tạ Nguyên Khang	05/07/2005	79	Khá	
236	40	21TKĐH2	21TKĐH2.037	Tăng Tiểu Linh	21/12/2006	79	Khá	
237	41	21TKĐH2	21TKĐH2.061	Phạm Thành Trung	04/03/2006	79	Khá	
238	42	21TKĐH2	21TKĐH2.147	Đỗ Thiên Ý	15/12/2006	79	Khá	
239	43	21TKĐH2	21TKĐH2.005	Phạm Bá Thoại	03/10/2004	79	Khá	
240	44	21TKĐH2	21TKĐH2.102	Ngô Đình Đông	15/09/2005	78	Khá	
241	45	21TKĐH2	21MTT2.002	Trần Phối Nhi	20/03/2005	78	Khá	
242	46	21TKĐH2	21TKĐH2.078	Huỳnh Gia Mẫn	26/12/2006	78	Khá	
243	47	21TKĐH2	21TKĐH2.053	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	04/10/2006	78	Khá	
244	48	21TKĐH2	21TKĐH2.115	Lâm Tuấn Lương	12/09/2006	78	Khá	
245	49	21TKĐH2	21TKĐH2.050	Trương Tấn Phong	22/12/2006	78	Khá	
246	50	21TKĐH2	21TKĐH2.077	Phan Kiến Lợi	26/01/2006	77	Khá	
247	51	21TKĐH2	21TKĐH2.082	Trương Vòng Bảo Nghi	08/07/2006	77	Khá	
248	52	21TKĐH2	21TKĐH2.011	Trần Hữu Lộc	02/09/2006	77	Khá	
249	53	21TKĐH2	21TKĐH2.085	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	22/12/2006	77	Khá	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
250	54	21TKĐH2	21TKĐH2.017	Khổng Duy Phú	26/07/2006	77	Khá	
251	55	21TKĐH2	21TKĐH2.089	Võ Phan Anh Tuấn	29/09/2005	77	Khá	
252	56	21TKĐH2	21TKĐH2.093	Nguyễn Thu Trang	13/09/2005	77	Khá	
253	57	21TKĐH2	21TKĐH2.054	Trần Vĩnh Thắng	28/09/2006	77	Khá	
254	58	21TKĐH2	21TKĐH2.055	Võ Thanh Thiên	19/03/2006	77	Khá	
255	59	21TKĐH2	21TKĐH2.120	Phan Đặng Thanh Ngân	01/03/2006	77	Khá	
256	60	21TKĐH2	21TKĐH2.160	Nguyễn Kim Toàn	22/08/2006	77	Khá	
257	61	21TKĐH2	21TKĐH2.135	Trần Ngọc Thái Thanh	14/07/2005	77	Khá	
258	62	21TKĐH2	21TKĐH2.062	Đỗ Phúc Trường	16/07/2006	77	Khá	
259	63	21TKĐH2	21TKĐH2.166	Mai Nguyễn Văn Khá	27/05/2006	77	Khá	
260	64	21TKĐH2	21TKĐH2.136	Nguyễn Hoàng Thiện	19/02/2006	77	Khá	
261	65	21TKĐH2	21TKĐH2.091	Ô Cẩm Thái	27/03/2006	77	Khá	
262	66	21TKĐH2	21TKĐH2.070	Lưu Tiểu Hằng	10/10/2005	75	Khá	
263	67	21TKĐH2	21TKĐH2.094	Nguyễn Thị Hoàng Yến	09/12/2006	75	Khá	
264	68	21TKĐH2	21CNO2.048	Nguyễn Tấn Lộc	11/05/2006	75	Khá	
265	69	21TKĐH2	21TKĐH2.047	Nguyễn Ngọc Bích Như	24/02/2006	75	Khá	
266	70	21TKĐH2	21TKĐH2.048	Nguyễn Ngọc Khánh Như	11/12/2006	75	Khá	
267	71	21TKĐH2	21TKĐH2.125	Giang Hạnh Nhi	24/10/2006	75	Khá	
268	72	21TKĐH2	21TKĐH2.124	Dương Thanh Nhi	31/10/2006	75	Khá	
269	73	21TKĐH2	21TKĐH2.153	Lê Nguyễn Trung Thành	21/10/2006	75	Khá	
270	74	21TKĐH2	21TKĐH2.075	Nguyễn Trí Kiệt	17/06/2006	75	Khá	
271	75	21TKĐH2	21QTM2.050	Phùng Tiễn Thành	13/03/2006	75	Khá	
272	76	21TKĐH2	21TKĐH2.127	Đỗ Gia Phong	15/08/2006	73	Khá	
273	77	21TKĐH2	21TKĐH2.081	Đàm Kim Ngân	07/08/2004	73	Khá	
274	78	21TKĐH2	21TKĐH2.161	Lê Tú	31/03/2006	71	Khá	
275	79	21TKĐH2	21CGKL2.011	Lại Thế Vinh	04/07/2006	0	Yếu	
276	80	21TKĐH2	21CNO2.003	Vũ Duy Tuấn	28/11/2005	0	Yếu	
277	81	21TKĐH2	21CNO2.014	Trương Văn Khang	22/07/2006	0	Yếu	
278	82	21TKĐH2	21TKĐH2.068	Đặng Dũng Cẩm	29/08/2006	0	Yếu	
279	83	21TKĐH2	21CNO2.105	Trần Phát Tỳ	16/11/2006	0	Yếu	
280	84	21TKĐH2	21CNO2.145	Ngô Chí Nghĩa	06/07/2006	0	Yếu	
281	85	21TKĐH2	21CĐT2.007	Trần Hồ Nguyên Khang	12/12/2006	0	Yếu	
282	86	21TKĐH2	21TĐH2.001	Lê Minh Hoàng	17/09/2006	0	Yếu	
283	87	21TKĐH2	21TKĐH2.076	Lê Ái Triều Khá	29/01/2006	0	Yếu	
284	88	21TKĐH2	21SCMT2.027	Đỗ Tuấn Kiệt	12/08/2006	0	Yếu	
285	89	21TKĐH2	21TKĐH2.079	Phạm Thế Minh	05/07/2003	0	Yếu	
286	90	21TKĐH2	21TKĐH2.003	Nguyễn Tăng Gia Thái	02/11/2005	0	Yếu	
287	91	21TKĐH2	21TKĐH2.080	Nguyễn Thanh Ngân	25/02/2006	0	Yếu	
288	92	21TKĐH2	21TKĐH2.008	Hứa Minh Đăng	16/11/2006	0	Yếu	
289	93	21TKĐH2	21TKĐH2.164	Trần Trọng Phúc	03/04/2006	0	Yếu	
290	94	21TKĐH2	21TKĐH2.086	Dương Minh Song	21/07/2004	0	Yếu	
291	95	21TKĐH2	21TKĐH2.016	Nguyễn Hoàng Phong	27/08/2003	0	Yếu	
292	96	21TKĐH2	21TKĐH2.088	Nguyễn Tuấn Tú	15/06/2002	0	Yếu	
293	97	21TKĐH2	21TKĐH2.018	Nguyễn Thanh Phước	21/09/2006	0	Yếu	
294	98	21TKĐH2	21TKĐH2.092	Lữ Minh Thuận	04/08/2005	0	Yếu	
295	99	21TKĐH2	21TKĐH2.024	Đặng Bình Tuấn	10/06/2006	0	Yếu	
296	100	21TKĐH2	21TKĐH2.026	Ngô Anh Thư	23/04/2006	0	Yếu	
297	101	21TKĐH2	21TKĐH2.156	Phạm Nguyễn Văn Anh	13/05/2006	0	Yếu	
298	102	21TKĐH2	21TKĐH2.027	Nguyễn Mai Thy	07/09/2006	0	Yếu	
299	103	21TKĐH2	21TKĐH2.095	Vương Lạc Bửu	17/07/2006	0	Yếu	
300	104	21TKĐH2	21TKĐH2.101	Lương Nam Đạt	10/07/2006	0	Yếu	
301	105	21TKĐH2	21TKĐH2.099	Trần Vĩnh Đạt	14/06/2006	0	Yếu	
302	106	21TKĐH2	21TKĐH2.098	Huỳnh Quốc Đạt	17/11/2006	0	Yếu	
303	107	21TKĐH2	21TKĐH2.033	Phan Tuấn Khải	08/05/2006	0	Yếu	
304	108	21TKĐH2	21TKĐH2.103	Nguyễn Phương Đông	06/03/2006	0	Yếu	
305	109	21TKĐH2	21TKĐH2.035	Huỳnh Lý Khiêm	01/09/2006	0	Yếu	
306	110	21TKĐH2	21TKĐH2.036	Tiêu Quế Lâm	20/11/2006	0	Yếu	
307	111	21TKĐH2	21TKĐH2.104	Hồ Phương Hào	30/03/2006	0	Yếu	
308	112	21TKĐH2	21TKĐH2.071	Huỳnh Gia Hân	19/02/2006	0	Yếu	
309	113	21TKĐH2	21TKĐH2.038	Nguyễn Cô Hữu Luân	06/09/2006	0	Yếu	
310	114	21TKĐH2	21TKĐH2.105	Lâm Bảo Hân	02/12/2006	0	Yếu	
311	115	21TKĐH2	21TKĐH2.039	Trịnh Gia Luân	19/12/2006	0	Yếu	
312	116	21TKĐH2	21TKĐH2.106	Lý Đình Ngọc Hân	29/10/2006	0	Yếu	
313	117	21TKĐH2	21TKĐH2.040	Dương Kim Mẫn	15/08/2006	0	Yếu	
314	118	21TKĐH2	21TKĐH2.107	Đổng Chánh Hiệp	14/12/2006	0	Yếu	
315	119	21TKĐH2	21TKĐH2.108	Nguyễn Ngọc Hiếu	28/06/2005	0	Yếu	
316	120	21TKĐH2	21TKĐH2.109	Phan Trung Nhật Hoàn	13/10/2006	0	Yếu	
317	121	21TKĐH2	21TKĐH2.043	Triệu Gia Nghi	18/01/2006	0	Yếu	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
318	122	21TKĐH2	21TKĐH2.112	Huỳnh Tuấn Kiệt	19/05/2005	0	Yếu	
319	123	21TKĐH2	21TKĐH2.113	Châu Vĩnh Kỳ	18/06/2006	0	Yếu	
320	124	21TKĐH2	21TKĐH2.049	Đỗ Bích Như	14/11/2006	0	Yếu	
321	125	21TKĐH2	21TKĐH2.051	Nguyễn Nhật Tân	30/09/2006	0	Yếu	
322	126	21TKĐH2	21TKĐH2.117	Trịnh Anh Mẫn	07/06/2005	0	Yếu	
323	127	21TKĐH2	21TKĐH2.118	Chung Khả Minh	21/10/2006	0	Yếu	
324	128	21TKĐH2	21TKĐH2.119	Phạm Thành Nam	17/02/2005	0	Yếu	
325	129	21TKĐH2	21TKĐH2.121	Cao Mỹ Ngọc	09/09/2006	0	Yếu	
326	130	21TKĐH2	21TKĐH2.122	Nguyễn Hiền Ngọc	30/09/2006	0	Yếu	
327	131	21TKĐH2	21TKĐH2.059	Nguyễn Thái Thanh Thu	23/11/2005	0	Yếu	
328	132	21TKĐH2	21TKĐH2.158	Võ Minh Phúc	12/09/2006	0	Yếu	
329	133	21TKĐH2	21TKĐH2.129	Châu Mỹ Phương	06/04/2006	0	Yếu	
330	134	21TKĐH2	21TKĐH2.128	Nguyễn Thanh Phương	12/09/2006	0	Yếu	
331	135	21TKĐH2	21TKĐH2.130	Nguyễn Ngọc Thảo Quyên	16/02/2006	0	Yếu	
332	136	21TKĐH2	21TKĐH2.134	Lê Minh Tuấn	13/09/2006	0	Yếu	
333	137	21TKĐH2	21TKĐH2.138	Ngô Vũ Ngọc Thoa	01/09/2006	0	Yếu	
334	138	21TKĐH2	21TKĐH2.143	Huỳnh Tấn Trung	24/08/2006	0	Yếu	
335	139	21TKĐH2	21TKĐH2.144	Đặng Tú Uyên	22/08/2006	0	Yếu	
336	140	21TKĐH2	21TKĐH2.145	Nguyễn Thị Yến Vy	10/02/2006	0	Yếu	
337	141	21TKĐH2	21TKĐH2.065	Nguyễn Thị Tường Vy	20/01/2006	0	Yếu	
338	142	21TKĐH2	21TKĐH2.064	Hoàng Ngọc Yến Vy	31/10/2006	0	Yếu	
339	143	21TKĐH2	21TKĐH2.148	Nguyễn Lê Ngọc Ý	10/03/2006	0	Yếu	
340	144	21TKĐH2	21TKĐH2.146	Nguyễn Bạch Như Ý	22/12/2006	0	Yếu	
341	145	21TKĐH2	21TKĐH2.169	Phạm Nguyễn Phi Phong	6/9/2006	0	Yếu	
342	146	21TKĐH2	21TKĐH2.004	Nguyễn Minh Thư	16/03/2002	0	KXL	Thôi học
343	147	21TKĐH2	21TKĐH2.002	Lê Nhật Nam	02/06/2003	0	KXL	Bảo lưu
344	148	21TKĐH2	21TKĐH2.045	Đỗ Cẩm Nguyên	09/01/2006	0	KXL	Thôi học
B		KHÓA 22K16						
I. KHOA BẢO TRÌ CƠ KHÍ								
Ngành Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí								
1	1	22BCK2	22BCK2.006	Bùi Văn Triệu	20/2/2000	92	Xuất sắc	
2	2	22BCK2	22BCK2.004	Nguyễn Quốc Thắng	21/11/2006	88	Tốt	
3	3	22BCK2	22BCK2.003	Nguyễn Minh Mẫn	18/11/2007	87	Tốt	
4	4	22BCK2	22BCK2.001	Nguyễn Hoàng Đông Anh	22/10/2007	85	Tốt	
5	5	22BCK2	22BCK2.007	Nguyễn Ngọc Huy Trường	22/10/2007	85	Tốt	
6	6	22BCK2	22BCK2.002	Huỳnh Đăng Khoa	15/6/2007	85	Tốt	
7	7	22BCK2	22BCK2.005	Nguyễn Ngọc Bảo Thanh	25/12/2007	84	Tốt	
8	8	22BCK2	22CĐL2.034	Đặng Chí Tâm	13/10/2007	0	KXL	Thôi học
II. KHOA KỸ THUẬT LẠNH								
Ngành Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh								
9	1	22CĐL2	22CĐL2.005	Nguyễn Đồng Duy	13/4/2007	89	Tốt	
10	2	22CĐL2	22CĐL2.021	Trần Minh Phong	7/2/2000	88	Tốt	
11	3	22CĐL2	22CĐL2.006	Lâm Quốc Hậu	14/12/2001	88	Tốt	
12	4	22CĐL2	22CĐL1.001	Nguyễn Nhật Hào	15/10/2003	86	Tốt	
13	5	22CĐL2	22CĐL2.004	Nguyễn Cao Minh Đạt	27/11/2006	85	Tốt	
14	6	22CĐL2	22CĐL2.012	Viên Thái Long	28/4/2007	85	Tốt	
15	7	22CĐL2	22CĐL2.007	Hoàng Trần Bảo Hưng	5/7/2005	84	Tốt	
16	8	22CĐL2	22CĐL2.008	Nguyễn Quang Huy	21/9/2007	83	Tốt	
17	9	22CĐL2	22CĐL2.028	Trần Phong Thái	13/12/2006	83	Tốt	
18	10	22CĐL2	22CĐL2.025	Phạm Trường Anh Quân	11/11/2007	83	Tốt	
19	11	22CĐL2	22CĐL2.023	Trương Hoàng Phúc	29/10/2007	78	Khá	
20	12	22CĐL2	22CĐL2.003	Trần Bảo Chung	13/12/2007	81	Tốt	
21	13	22CĐL2	22CĐL2.035	Hoàng Thế Vinh	4/3/2006	80	Tốt	
22	14	22CĐL2	22CĐL2.024	Lý Trắc Quan	18/9/2006	79	Khá	
23	15	22CĐL2	22CĐL2.001	Dương Thái Anh	9/7/2007	77	Khá	
24	16	22CĐL2	22CĐL2.027	Nguyễn Lê Tấn Tài	2/11/2007	70	Khá	
25	17	22CĐL2	22CĐL2.030	Lê Văn Thống	2/2/2007	70	Khá	
26	18	22CĐL2	22CĐL2.022	Phan Hoàng Phúc	30/11/2007	70	Khá	
27	19	22CĐL2	22CĐL2.019	Châu Trí Phát	29/7/2005	72	Khá	
28	20	22CĐL2	22CĐL2.033	Dương Thanh Long	30/3/2007	71	Khá	
29	21	22CĐL2	22CĐL2.011	Trần Quang Khương	22/11/2007	67	Trung bình	
30	22	22CĐL2	22CĐL2.031	Đặng Vi Thuận	22/2/2007	67	Trung bình	
31	23	22CĐL2	22CĐL2.015	Trần Văn Nghĩa	13/9/2007	65	Trung bình	
32	24	22CĐL2	22CĐL2.016	Lý Cẩm Nguyên	29/9/2007	31	Yếu	
33	25	22CĐL2	22CĐL1.002	Phan Đức Duy Khang	14/4/2004	0	Yếu	
34	26	22CĐL2	22CĐL2.009	Nguyễn Hữu Khang	6/8/2006	0	Yếu	
35	27	22CĐL2	22CĐL2.010	Nguyễn Trần Duy Khang	12/11/2007	0	Yếu	
36	28	22CĐL2	22CĐL2.014	Đặng Huỳnh Ngọc Mỹ	9/11/2007	0	Yếu	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
37	29	22CĐL2	22CĐL2.017	Phạm Văn Nguyễn	6/4/2007	0	Yếu	
38	30	22CĐL2	22CĐL2.018	Nguyễn Minh Nhật	4/4/2007	0	Yếu	
39	31	22CĐL2	22CĐL2.026	Huỳnh Thái Sang	30/12/2007	0	Yếu	
40	32	22CĐL2	22CĐL2.032	Võ Thanh Tú	6/6/2007	0	Yếu	
41	33	22CĐL2	22CĐL2.002	Ngô Gia Bảo	27/11/2007	0	KXL	Thôi học
Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí								
42	1	22KTL1	22KTL1.007	Thái Hoàng Gia	14/6/1999	84	Tốt	
43	2	22KTL1	22KTL1.003	Võ Huỳnh Thanh Phong	21/5/2004	80	Tốt	
44	3	22KTL1	22KTL1.005	Hồ Nhựt Thăng	21/3/2002	78	Khá	
45	4	22KTL1	22KTL1.001	Đàm Vũ Đạt	21/2/1997	75	Khá	
46	5	22KTL1	22KTL1.004	Từ Anh Quyền	20/1/1993	0	Yếu	
47	6	22KTL1	22KTL1.002	Trần Quang Đạt	27/1/1988	0	Yếu	
48	7	22KTL1	22KTL1.006	Nguyễn Công Trọng	13/7/2003	0	Yếu	
49	8	22KTL2	22KTL2.024	Lê Minh Triết	20/5/2007	80	Tốt	
50	9	22KTL2	22KTL2.018	Võ Nguyễn Minh Sang	14/4/2007	80	Tốt	
51	10	22KTL2	22KTL2.009	Chúc Tân Hùng	18/7/2007	80	Tốt	
52	11	22KTL2	22CĐL2.029	Nguyễn Hữu Thịnh	16/10/2007	80	Tốt	
53	12	22KTL2	22KTL2.003	Huỳnh Minh Đạt	28/12/2007	79	Khá	
54	13	22KTL2	22KTL2.017	Văn Thành Nhựt	2/7/2007	77	Khá	
55	14	22KTL2	22KTL2.005	Trần Châu Hào	8/2/2004	77	Khá	
56	15	22KTL2	22KTL2.001	Nguyễn Tuấn Anh	4/11/2007	76	Khá	
57	16	22KTL2	22KTL2.021	Nguyễn Quốc Minh Thanh	27/4/2007	76	Khá	Khiển trách
58	17	22KTL2	22KTL2.012	Võ Anh Khoa	25/8/2007	75	Khá	
59	18	22KTL2	22KTL2.016	Phan Hoàng Luân	10/5/2006	71	Khá	
60	19	22KTL2	22CĐL2.020	Dương Tân Phong	8/8/2006	67	Trung bình	
61	20	22KTL2	22KTL2.020	Đặng Hoàng Tâm	4/8/2007	0	Yếu	
62	21	22KTL2	22KTL2.022	Trần Vĩnh Thuận	7/12/2007	0	Yếu	
63	22	22KTL2	22KTL2.007	Lưu Trí Hoàng	2/10/2007	0	Yếu	
64	23	22KTL2	22KTL2.008	Lê Chấn Hùng	21/9/2006	0	Yếu	
65	24	22KTL2	22CĐL2.013	Sro Leh MaLed	22/3/2007	0	Yếu	
66	25	22KTL2	22KTL2.006	Danh Minh Hiếu	3/7/2007	0	Yếu	
67	26	22KTL2	22KTL2.002	Võ Anh Đạt	12/9/2007	0	Yếu	
68	27	22KTL2	22KTL2.010	Phạm Hồng Khang	12/4/2007	0	Yếu	
69	28	22KTL2	22KTL2.011	Nguyễn Hoàng Khanh	26/5/2007	0	Yếu	
70	29	22KTL2	22KTL2.014	Huỳnh Kim Lân	18/3/2007	0	Yếu	
71	30	22KTL2	22KTL2.019	Diệp Hà Trí Tài	26/7/2007	0	Yếu	
72	31	22KTL2	22KTL2.023	Lê Nguyễn Minh Trí	29/1/2007	0	Yếu	
73	32	22KTL2	22KTL2.025	Lưu Gia Tuấn	21/11/2007	0	Yếu	
74	33	22KTL2	22KTL2.026	Trần Nguyễn Hiền	3/1/2004	0	Yếu	
75	34	22KTL2	22KTL2.027	Nguyễn Tấn Tài	10/9/2007	0	Yếu	
76	35	22KTL2	22KTL2.028	Trịnh Anh Tuấn	4/4/2007	0	Yếu	
77	36	22KTL2	22KTL2.029	Trần Quốc Trọng	9/12/2006	0	Yếu	
78	37	22KTL2	22KTL2.004	Sỹ Quốc Hào	11/8/2007	0	KXL	Thôi học
79	38	22KTL2	22KTL2.013	Phạm Nguyễn Anh Kiệt	23/9/2007	0	KXL	Thôi học
80	39	22KTL2	22KTL2.015	Trần Hiếu Lộc	7/9/2006	0	KXL	Thôi học
III. KHOA CƠ ĐIỆN TỬ								
Nghề Cơ điện tử								
81	1	22CĐT1	22CĐT1.004	Nguyễn Minh Thương	9/12/2003	85	Tốt	
82	2	22CĐT1	22CĐT1.002	Trần Chí Kiệt	8/11/2006	80	Tốt	
83	3	22CĐT1	22TĐH1.001	Nguyễn Quốc Khang	3/6/2006	79	Khá	
84	4	22CĐT1	22CĐT1.001	Lê Tường An	24/9/1997	77	Khá	
85	5	22CĐT1	22CĐT1.003	Lưu Hàng Thuận	4/9/2000	0	Yếu	
86	6	22CĐT1	22CĐT1.005	Nguyễn Thanh Tùng	28/1/2004	0	Yếu	
87	7	22CĐT1	22TĐH1.002	Nguyễn Hữu Lâm	11/10/1999	0	Yếu	
88	8	22CĐT1	22TĐH1.003	Nguyễn Ngọc Thuận	16/2/2002	0	Yếu	
89	9	22CĐT2	22TĐH2.001	Đặng Quý Hào	18/2/2006	92	Xuất sắc	
90	10	22CĐT2	22TĐH2.003	Nguyễn Đoàn Tiến Phát	30/3/2007	90	Xuất sắc	
91	11	22CĐT2	22CĐT2.013	Lê Đăng Quang	25/4/2006	84	Tốt	
92	12	22CĐT2	22ĐCN2.006	Nguyễn Trí Tài	8/1/2007	89	Tốt	
93	13	22CĐT2	22CĐT2.007	Thạch Ngọc Long	20/1/2006	88	Tốt	
94	14	22CĐT2	22CĐT2.008	Châu Hoàng Minh	22/12/2007	87	Tốt	
95	15	22CĐT2	22CĐT2.004	Dương Tân Khang	6/10/2007	85	Tốt	
96	16	22CĐT2	22CĐT2.001	Nguyễn Văn Kỳ Anh	1/11/2007	84	Tốt	
97	17	22CĐT2	22CĐT2.002	Nguyễn Huỳnh Chí Đạt	23/2/2005	82	Tốt	
98	18	22CĐT2	22CĐT2.006	Trần Phương Lâm	20/9/2006	85	Tốt	
99	19	22CĐT2	22MTT2.015	Ngô Khải Nhiên	6/2/2007	84	Tốt	
100	20	22CĐT2	22CĐT2.003	Nguyễn Nhật Hào	20/10/2007	80	Tốt	
101	21	22CĐT2	22CĐT2.011	Đặng Gia Phúc	4/8/2007	75	Khá	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
102	22	22CĐT2	22CĐT2.012	Cao Nhật Thiện	22/3/2004	75	Khá	
103	23	22CĐT2	22CĐT2.010	Huỳnh Gia Phát	18/11/2006	81	Tốt	
104	24	22CĐT2	22TĐH2.002	Lương Minh Luân	24/9/2007	71	Khá	
105	25	22CĐT2	22TĐH2.005	Hứa Vi Toàn	27/12/2007	78	Khá	
106	26	22CĐT2	22TĐH2.004	Trang Phan Trí Thành	7/11/2007	66	Trung bình	
107	27	22CĐT2	22CĐT2.005	Tiền Gia Kiệt	7/3/2007	0	Yếu	
108	28	22CĐT2	22CĐT2.009	Phạm Khôi Nguyên	25/4/2006	0	Yếu	
109	29	22CĐT2	22ĐCN2.001	Hồ Gia Bảo	23/4/2006	0	Yếu	
IV. KHOA CƠ KHÍ CHÍNH XÁC								
Nghề Cắt gọt kim loại								
110	1	22CGKL1	22CGKL1.004	Nguyễn Quang Huy	1/10/2001	94	Xuất sắc	
111	2	22CGKL1	22CGKL1.006	Trần Tấn Phát	20/11/2004	92	Xuất sắc	
112	3	22CGKL1	22CGKL1.003	Hồ Đăng Học	19/1/2003	90	Xuất sắc	
113	4	22CGKL1	22CGKL1.008	Nguyễn Hữu Bôn	2/11/2004	90	Xuất sắc	
114	5	22CGKL1	22CGKL1.005	Văn Chí Khang	2/11/2003	90	Xuất sắc	
115	6	22CGKL1	22CGKL1.001	Nguyễn Tấn Hải	6/6/2002	88	Tốt	
116	7	22CGKL1	22CGKL1.002	Phạm Văn Hậu	10/12/2006	0	Yếu	
117	8	22CGKL1	22CGKL1.007	Lê Tấn Thành	27/5/1999	0	Yếu	
118	9	22CGKL1	22CGKL1.009	Nguyễn Lâm Gia Thọ	3/5/2003	0	Yếu	
119	10	22CGKL1	22CGKL1.010	Võ Thanh Tâm	1/8/2001	0	Yếu	
120	11	22CGKL2	22CGKL2.001	Huỳnh Nam Anh	23/3/2005	93	Xuất sắc	
121	12	22CGKL2	22CGKL2.008	Nguyễn Lê Long	15/12/2007	90	Xuất sắc	
122	13	22CGKL2	22CGKL2.004	Phạm Ngọc Hoàng	21/12/2007	90	Xuất sắc	
123	14	22CGKL2	22CGKL2.009	Nguyễn Hà Nguyên	29/11/2007	89	Tốt	
124	15	22CGKL2	22CGKL2.011	Nguyễn Hoàng Phát	2/8/2007	86	Tốt	
125	16	22CGKL2	22CGKL2.005	Lữ Mạnh Hùng	24/5/2006	86	Tốt	
126	17	22CGKL2	22CGKL2.013	Nguyễn Đức Toàn	15/11/2007	85	Tốt	
127	18	22CGKL2	22CGKL2.002	Đinh Tuấn Hải Đăng	11/8/2007	85	Tốt	
128	19	22CGKL2	22CGKL2.014	Trần Trọng Văn	7/9/2007	83	Tốt	
129	20	22CGKL2	22CGKL2.016	Nguyễn Phúc Nguyên	16/3/2007	83	Tốt	
130	21	22CGKL2	22CGKL2.010	Phạm Trọng Nhân	3/10/2007	83	Tốt	
131	22	22CGKL2	22CGKL2.006	Ngô Minh Huy	5/4/2007	80	Tốt	
132	23	22CGKL2	22CGKL2.003	Quan Tấn Đạt	23/2/2007	78	Khá	
133	24	22CGKL2	22CGKL2.012	Trần Gia Phú	27/10/2007	0	Yếu	
134	25	22CGKL2	22CGKL2.015	Trần Hoài Bảo Lâm	18/9/2001	0	Yếu	
135	26	22CGKL2	22CGKL2.007	Nguyễn Tuấn Khôi	26/8/2007	0	KXL	Bảo lưu
V. KHOA CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC								
Nghề Công nghệ Ô tô								
136	1	22CNO1	22CNO1.013	Võ Nguyễn Hoàng Phúc	21/3/2000	86	Tốt	
137	2	22CNO1	22CNO1.007	Mã Lê Hồng Hải	7/8/2007	85	Tốt	
138	3	22CNO1	22CNO1.021	Võ Tấn Phát	17/6/2004	85	Tốt	
139	4	22CNO1	22CNO1.006	Đinh Thế Giang	4/6/1974	85	Tốt	
140	5	22CNO1	22CNO1.001	Lâm Quốc An	22/6/1995	82	Tốt	
141	6	22CNO1	22CNO1.017	Nguyễn Hoài Lam	31/10/2004	82	Tốt	
142	7	22CNO1	22CNO1.008	Tô Chí Hải	4/11/1992	80	Tốt	
143	8	22CNO1	22CNO1.002	Nguyễn Đào Duy Anh	5/11/2007	80	Tốt	
144	9	22CNO1	22CNO1.014	Huỳnh Lê Trí Trung	19/3/2001	78	Khá	
145	10	22CNO1	22CNO1.015	Trương Anh Tuấn	15/5/2005	77	Khá	
146	11	22CNO1	22CNO1.022	Phạm Hồng Thái	7/5/2004	77	Khá	
147	12	22CNO1	22CNO1.012	Phạm Công Thành Nhân	11/10/2007	77	Khá	
148	13	22CNO1	22CNO1.009	Trần Thế Hưng	21/1/2007	75	Khá	
149	14	22CNO1	22CNO1.004	Nguyễn Thái Bảo	12/10/2006	75	Khá	
150	15	22CNO1	22CNO1.025	Nguyễn Thanh Sang	20/4/2001	75	Khá	
151	16	22CNO1	22CNO1.020	Võ Thanh Nguyên	19/8/1990	75	Khá	
152	17	22CNO1	22CNO1.011	Lâm Gia Lập	7/8/2005	73	Khá	
153	18	22CNO1	22CNO1.003	Phạm Gia Bảo	30/6/2007	72	Khá	
154	19	22CNO1	22CNO1.005	Nguyễn Tấn Đạt	7/4/2006	72	Khá	
155	20	22CNO1	22CNO1.016	Thạch Quốc Việt	21/9/2005	72	Khá	
156	21	22CNO1	22CNO1.019	Nguyễn Hoàng Huy	1/10/2000	72	Khá	
157	22	22CNO1	22CNO1.010	Đỗ Nguyễn Anh Khoa	1/7/2005	69	Trung bình	
158	23	22CNO1	22ĐCN1.001	Nguyễn Trí Thịnh	30/3/2000	69	Trung bình	
159	24	22CNO1	22CNO1.023	Lê Hoàng Duy	24/11/1987	69	Trung bình	
160	25	22CNO1	22CNO1.024	Trần Minh Hiến	30/8/1997	69	Trung bình	
161	26	22CNO1	22CNO1.018	Nguyễn Trung Hiếu	21/9/2004	0	KXL	Thôi học
162	27	22CNO2	22CNO2.101	Phạm Nguyễn Tuấn Phúc	13/10/1996	86	Tốt	
163	28	22CNO2	22CNO2.098	Nguyễn Hoàng Phúc	1/10/2000	85	Tốt	
164	29	22CNO2	22CNO2.084	Võ Chí Nguyên	24/9/1997	85	Tốt	
165	30	22CNO2	22CNO2.009	Trần Văn Chương	1/1/1993	85	Tốt	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
166	31	22CNO2	22CNO2.143	Phùng Tuấn Vũ	5/8/2006	83	Tốt	
167	32	22CNO2	22CNO2.127	Vương Gia Thuận	29/3/2007	83	Tốt	
168	33	22CNO2	22CNO2.126	Lý Gia Thuận	27/11/2007	83	Tốt	
169	34	22CNO2	22CNO2.034	Dương Lê Gia Huy	11/12/2007	82	Tốt	
170	35	22CNO2	22CNO2.003	Lê Hoàng Anh	29/12/2007	81	Tốt	
171	36	22CNO2	22CNO2.131	Lý Tổ	27/11/2007	81	Tốt	
172	37	22CNO2	22CNO2.068	Hồ Nguyễn Phi Long	14/7/2006	81	Tốt	
173	38	22CNO2	22CNO2.055	Biện Anh Khoa	1/8/2007	80	Tốt	
174	39	22CNO2	22CNO2.144	Lê Hoàng Vũ	7/6/2007	80	Tốt	
175	40	22CNO2	22CNO2.092	Nguyễn Lê Tấn Phát	20/9/2007	80	Tốt	
176	41	22CNO2	22CNO2.063	Trương Nhật Lâm	28/10/2007	80	Tốt	
177	42	22CNO2	22CNO2.069	Võ Hòa Luân	18/4/2007	80	Tốt	
178	43	22CNO2	22CNO2.048	Lê Trường Huy	9/11/2007	80	Tốt	
179	44	22CNO2	22CNO2.058	Vũ Nguyên Khôi	16/3/2006	79	Khá	
180	45	22CNO2	22CNO2.057	Lâm Trần Đăng Khoa	18/1/2007	78	Khá	
181	46	22CNO2	22CNO2.027	La Tử Hiền	27/11/2007	78	Khá	
182	47	22CNO2	22CNO2.033	Phạm Quang Hưng	4/2/2007	78	Khá	
183	48	22CNO2	22CNO2.089	Nguyễn Huy Thiên Nhân	2/1/2007	78	Khá	
184	49	22CNO2	22CNO2.025	Vương Gia Hào	9/8/2007	78	Khá	
185	50	22CNO2	22CNO2.118	Hồ Tấn Phước Thanh	29/6/2007	78	Khá	
186	51	22CNO2	22CNO2.077	Nguyễn Nhật Nam	19/11/2006	78	Khá	
187	52	22CNO2	22CNO2.053	Nguyễn Hoàng Gia Khiêm	15/12/2007	78	Khá	
188	53	22CNO2	22CNO2.091	Nguyễn Hồng Phát	25/1/2007	78	Khá	
189	54	22CNO2	22CNO2.142	Lìn Hiền Vũ	26/8/2007	77	Khá	
190	55	22CNO2	22CNO2.140	Trang Nguyễn Hùng Vinh	20/5/2007	77	Khá	
191	56	22CNO2	22CNO2.028	Nguyễn Minh Hiếu	19/5/2007	76	Khá	
192	57	22CNO2	22CNO2.157	Lâm Gia Khánh	5/1/2007	76	Khá	
193	58	22CNO2	22CNO2.059	Tô Ngọc Tiên Khôi	6/9/2007	76	Khá	
194	59	22CNO2	22CNO2.097	Bùi Hoàng Phúc	13/7/2007	76	Khá	
195	60	22CNO2	22CNO2.124	Trần Chí Thông	6/9/2007	76	Khá	
196	61	22CNO2	22CNO2.005	Trương Minh Bảo	14/7/2006	75	Khá	
197	62	22CNO2	22CNO2.050	Bùi Nguyễn Phúc Khang	7/12/2007	75	Khá	
198	63	22CNO2	22CNO2.120	Vương Luân Thành	29/12/2007	75	Khá	
199	64	22CNO2	22CNO2.145	Nguyễn Lê Tấn Vũ	11/10/2005	75	Khá	
200	65	22CNO2	22CNO2.151	Đầu Thái Tuấn	14/9/2007	75	Khá	
201	66	22CNO2	22CNO2.002	Huỳnh Thế An	30/3/2007	75	Khá	
202	67	22CNO2	22CNO2.141	Ngô Hoàng Vinh	30/10/2006	75	Khá	
203	68	22CNO2	22CNO2.011	Nguyễn Thành Công	22/7/2007	75	Khá	
204	69	22CNO2	22CNO2.138	Đoàn Tuấn Tú	5/4/2006	74	Khá	
205	70	22CNO2	22CNO2.164	Nguyễn Huỳnh Thành Phát	24/11/2007	73	Khá	
206	71	22CNO2	22CNO2.036	Lâm Nghiệp Huy	19/9/2007	73	Khá	
207	72	22CNO2	22CNO2.020	Võ Phú Đức	28/2/2007	73	Khá	
208	73	22CNO2	22CNO2.018	Võ Thành Đạt	13/10/2007	73	Khá	
209	74	22CNO2	22CNO2.001	Lý Tuấn An	3/12/2007	73	Khá	
210	75	22CNO2	22CNO2.133	Lê Minh Trí	12/1/2007	73	Khá	
211	76	22CNO2	22CNO2.134	Dương Minh Trí	19/8/2006	73	Khá	
212	77	22CNO2	22CNO2.066	Nguyễn Thành Lợi	22/11/2007	73	Khá	
213	78	22CNO2	22CNO2.095	Huỳnh Gia Phú	9/8/2007	73	Khá	
214	79	22CNO2	22CNO2.012	Nguyễn Hiếu Cương	1/2/2007	73	Khá	
215	80	22CNO2	22CNO2.160	Nguyễn Ngô Thông Nhất	1/5/2004	73	Khá	
216	81	22CNO2	22CNO2.037	Huỳnh Gia Huy	17/10/2007	73	Khá	
217	82	22CNO2	22CNO2.161	Ngô Minh Thành	6/3/2007	72	Khá	
218	83	22CNO2	22CNO2.147	Phan Văn Phước Yên	7/3/2007	72	Khá	
219	84	22CNO2	22CNO2.099	Trần Thiên Phúc	22/12/2007	72	Khá	
220	85	22CNO2	22CNO2.073	Trần Kim Minh	18/5/2007	72	Khá	
221	86	22CNO2	22CNO2.148	Nguyễn Ngọc Phát Giàu	15/7/2007	72	Khá	
222	87	22CNO2	22CNO2.104	Phạm Minh Phước	5/6/2007	72	Khá	
223	88	22CNO2	22CNO2.082	Giang Minh Nghĩa	6/11/2007	72	Khá	
224	89	22CNO2	22CNO2.006	Trương Thiên Bảo	22/11/2007	71	Khá	
225	90	22CNO2	22CNO2.031	Nguyễn Thanh Hùng	25/5/2007	69	Trung bình	
226	91	22CNO2	22CNO2.029	Lê Long Hoàng	17/1/2002	70	Khá	
227	92	22CNO2	22CNO2.165	Nguyễn Lê Trọng Nhân	8/9/2007	70	Khá	
228	93	22CNO2	22CNO2.041	Nguyễn Nhật Huy	22/11/2007	70	Khá	
229	94	22CNO2	22CNO2.017	Nguyễn Thành Đạt	30/4/2007	70	Khá	
230	95	22CNO2	22CNO2.103	Chung Hào Phúc	2/11/2005	69	Trung bình	
231	96	22CNO2	22CNO2.081	Huỳnh Nhựt Nghĩa	3/8/2007	69	Trung bình	
232	97	22CNO2	22CNO2.150	Đặng Trí Thành	4/4/2007	67	Trung bình	
233	98	22CNO2	22CNO2.122	Phạm Minh Thiện	5/10/2007	67	Trung bình	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
234	99	22CNO2	22CNO2.035	Vũ Trinh Văn Huy	30/5/2007	64	Trung bình	
235	100	22CNO2	22CNO2.015	Lê Thành Đạt	17/12/2007	75	Khá	
236	101	22CNO2	22CNO2.016	Lê Minh Đạt	25/3/2007	75	Khá	
237	102	22CNO2	22CNO2.093	Huỳnh Thiên Phú	30/9/2006	75	Khá	
238	103	22CNO2	22CNO2.096	Nguyễn Ngọc Phú	24/10/2007	75	Khá	
239	104	22CNO2	22CNO2.106	Thái Minh Quân	13/12/2007	75	Khá	
240	105	22CNO2	22CNO2.040	Nguyễn Đình Nhật Huy	29/9/2007	75	Khá	
241	106	22CNO2	22CNO2.110	Nguyễn Ngọc Quý	24/10/2007	75	Khá	
242	107	22CNO2	22CNO2.043	Trần Gia Huy	2/3/2007	75	Khá	
243	108	22CNO2	22CNO2.065	Võ Thiên Lộc	21/7/2007	75	Khá	
244	109	22CNO2	22CNO2.139	Huỳnh Minh Tuấn	12/11/2007	75	Khá	
245	110	22CNO2	22CNO2.051	Bùi Minh Khang	16/1/2007	73	Khá	
246	111	22CNO2	22CNO2.130	Ôn Trọng Tiên	19/11/2006	73	Khá	
247	112	22CNO2	22CNO2.071	Nguyễn Đức Lương	19/6/2007	72	Khá	
248	113	22CNO2	22CNO2.072	Ngô Cẩm Minh	30/9/2007	72	Khá	
249	114	22CNO2	22CNO2.004	Lâm Dân Bảo	26/10/2006	72	Khá	
250	115	22CNO2	22CNO2.146	Tăng Tường Vỹ	23/1/2007	72	Khá	
251	116	22CNO2	22CNO2.075	Lâm Hồng Minh	7/6/2007	72	Khá	
252	117	22CNO2	22CNO2.076	Lại Trần Quang Minh	10/5/2007	72	Khá	
253	118	22CNO2	22CNO2.007	Trần Huỳnh Thiện Bảo	11/5/2002	72	Khá	
254	119	22CNO2	22CNO2.008	Trần Đông Chí	22/12/2006	72	Khá	
255	120	22CNO2	22CNO2.149	Nguyễn Anh Hào	16/8/2006	72	Khá	
256	121	22CNO2	22CNO2.078	Nguyễn Bá Nam	11/10/2007	72	Khá	
257	122	22CNO2	22CNO2.079	Lê Trung Nam	24/5/2007	72	Khá	
258	123	22CNO2	22CNO2.010	Võ Anh Cơ	2/11/2006	72	Khá	
259	124	22CNO2	22CNO2.080	Trần Tuấn Nghĩa	29/10/2006	72	Khá	
260	125	22CNO2	22CNO2.152	Nguyễn Trương Gia Tuấn	19/10/2007	72	Khá	
261	126	22CNO2	22CNO2.013	Lê Bá Cường	29/12/2007	72	Khá	
262	127	22CNO2	22CNO2.154	Nguyễn Quốc Bảo	1/11/2007	72	Khá	
263	128	22CNO2	22CNO2.014	Nguyễn Chí Cường	5/12/2007	72	Khá	
264	129	22CNO2	22CNO2.155	Nguyễn Lê Hoàng	2/11/2005	72	Khá	
265	130	22CNO2	22CNO2.085	Võ Lữ Phúc Nguyên	23/9/2007	72	Khá	
266	131	22CNO2	22CNO2.086	Lê Nguyễn	12/5/2007	72	Khá	
267	132	22CNO2	22CNO2.158	Danh Thanh Lương	29/6/2007	72	Khá	
268	133	22CNO2	22CNO2.159	Nguyễn Khánh Ngoan	3/2/2001	72	Khá	
269	134	22CNO2	22CNO2.021	Cao Anh Dũng	29/6/2007	72	Khá	
270	135	22CNO2	22CNO2.162	Đàm Hồng Cơ	8/10/2007	72	Khá	
271	136	22CNO2	22CNO2.163	Lý Gia Bảo	17/6/2005	72	Khá	
272	137	22CNO2	22CNO2.023	Đào Lê Giang	15/6/2007	72	Khá	
273	138	22CNO2	22CNO2.024	Nguyễn Hoàng Hải	11/4/2007	72	Khá	
274	139	22CNO2	22CNO2.166	Huỳnh Anh Kiệt	19/10/2007	72	Khá	
275	140	22CNO2	22CNO2.026	Tô Thanh Hậu	20/3/2007	72	Khá	
276	141	22CNO2	22CNO2.030	Trương Vĩnh Hoàng	5/10/2006	72	Khá	
277	142	22CNO2	22CNO2.100	Nguyễn Hoàng Phúc	16/8/2006	72	Khá	
278	143	22CNO2	22CNO2.032	Lại Đình Hùng	17/7/2004	72	Khá	
279	144	22CNO2	22CNO2.102	Trần Đình Phúc	12/1/2007	72	Khá	
280	145	22CNO2	22CNO2.105	Ngô Thanh Phương	14/10/2007	72	Khá	
281	146	22CNO2	22CNO2.107	Trần Nhật Quang	2/5/2007	72	Khá	
282	147	22CNO2	22CNO2.038	Ngô Minh Huy	26/9/2007	72	Khá	
283	148	22CNO2	22CNO2.109	Tào Hoàng Gia Quốc	24/11/2007	72	Khá	
284	149	22CNO2	22CNO2.111	Hồ Tấn Sang	13/8/2005	72	Khá	
285	150	22CNO2	22CNO2.112	Lê Kim Sang	15/11/2007	72	Khá	
286	151	22CNO2	22CNO2.113	Lâm Văn Siu	23/4/2007	72	Khá	
287	152	22CNO2	22CNO2.044	Triệu Vĩnh Huy	28/9/2007	72	Khá	
288	153	22CNO2	22CNO2.045	Nguyễn Thành Gia Huy	18/5/2006	72	Khá	
289	154	22CNO2	22CNO2.115	Võ Nguyễn Minh Tâm	9/9/2006	72	Khá	
290	155	22CNO2	22CNO2.116	Nguyễn Minh Tân	4/4/2007	72	Khá	
291	156	22CNO2	22CNO2.117	Huỳnh Minh Thắng	16/2/2006	72	Khá	
292	157	22CNO2	22CNO2.049	Yahcop Mohamed Kasim	11/6/2007	72	Khá	
293	158	22CNO2	22CNO2.121	Trần Gia Thành	28/10/2007	72	Khá	
294	159	22CNO2	22CNO2.052	Nguyễn Trọng Khiêm	8/11/2007	72	Khá	
295	160	22CNO2	22CNO2.054	Trần Bảo Khoa	5/1/2007	72	Khá	
296	161	22CNO2	22CNO2.125	Trần Trí Thông	25/10/2007	72	Khá	
297	162	22CNO2	22CNO2.056	Trần Huỳnh Anh Khoa	5/7/2004	72	Khá	
298	163	22CNO2	22CNO2.128	Đinh Minh Tiên	3/2/2007	72	Khá	
299	164	22CNO2	22CNO2.060	Nguyễn Tấn Khôi	19/4/2006	72	Khá	
300	165	22CNO2	22CNO2.061	Bùi Duy Khương	13/8/2006	72	Khá	
301	166	22CNO2	22CNO2.132	Tăng Khánh Toàn	9/2/2007	72	Khá	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
302	167	22CNO2	22CNO2.064	Tạ Việt Hoài Linh	19/7/2002	72	Khá	
303	168	22CNO2	22CNO2.135	Nguyễn Tấn Trung	29/1/2007	72	Khá	
304	169	22CNO2	22CNO2.136	Nguyễn Nhật Trường	19/1/2006	72	Khá	
305	170	22CNO2	22CNO2.137	Trần Nhật Truyền	8/5/2007	72	Khá	
306	171	22CNO2	22CNO2.067	Lý Quốc Lợi	23/9/2006	72	Khá	
307	172	22CNO2	22CNO2.070	Trần Kiến Luân	6/3/2007	72	Khá	
308	173	22CNO2	22CNO2.156	Nguyễn Quốc Khánh	15/5/2006	70	Khá	
309	174	22CNO2	22CNO2.088	Nguyễn Thiện Nhân	16/4/2007	70	Khá	
310	175	22CNO2	22CNO2.019	Đoàn Nguyễn Du	30/12/2006	70	Khá	
311	176	22CNO2	22CNO2.108	Trần Nhật Quang	21/10/2003	70	Khá	
312	177	22CNO2	22CNO2.047	Nguyễn Nhật Huy	5/7/2006	70	Khá	
313	178	22CNO2	22CNO2.119	Nguyễn Phước Huy Thành	15/12/2007	70	Khá	
314	179	22CNO2	22CNO2.087	Trần Văn Nhân	9/4/2006	69	Trung bình	
315	180	22CNO2	22CNO2.090	Lý Sen Thăng Nhuan	12/1/2007	69	Trung bình	
316	181	22CNO2	22CNO2.022	Trần Hải Trường Giang	3/1/2007	69	Trung bình	
317	182	22CNO2	22CNO2.094	Lê Quang Phú	15/9/2007	69	Trung bình	
318	183	22CNO2	22CNO2.046	Đặng Gia Huy	14/11/2007	69	Trung bình	
319	184	22CNO2	22CNO2.062	Nguyễn Long Đình Kỳ	13/3/2007	69	Trung bình	
320	185	22CNO2	22CNO2.042	Phạm Lê Gia Huy	25/12/2007	67	Trung bình	
321	186	22CNO2	22CNO2.123	Đoàn Phúc Thịnh	31/7/2006	67	Trung bình	
322	187	22CNO2	22CNO2.153	Trần Khánh Tùng	26/9/2004	75	KXL	Bảo lưu
323	188	22CNO2	22CNO2.074	Dương Phạm Nhật Minh	22/11/2007	72	KXL	Thôi học
324	189	22CNO2	22CNO2.083	Lê Minh Nguyên	19/7/2007	72	KXL	Thôi học
325	190	22CNO2	22CNO2.039	Nguyễn Xuân Huy	22/7/2007	72	KXL	Thôi học
326	191	22CNO2	22CNO2.114	Trần Minh Tâm	10/1/2007	72	KXL	Thôi học
VI. KHOA ĐIỆN								
Nghề Điện công nghiệp								
327	1	22ĐCN2	22ĐCN2.007	Hà Tấn Tài	12/10/2006	73	Khá	
328	2	22ĐCN2	22ĐCN2.009	Nguyễn Trịnh Hoàng Phúc	4/10/2007	72	Khá	
329	3	22ĐCN2	22ĐCN2.005	Lưu Kiên Phong	21/2/2006	70	Khá	
330	4	22ĐCN2	22ĐCN2.004	Huỳnh Vĩnh Khang	25/7/2007	66	Trung bình	
331	5	22ĐCN2	22ĐCN2.005	Hoàng Nguyễn Ngọc Huy	13/3/2006	69	Trung bình	
332	6	22ĐCN2	22ĐCN2.002	Cao Thành Đạt	17/8/2006	66	Trung bình	
333	7	22ĐCN2	22ĐCN2.008	Huỳnh Vĩ Toàn	27/12/2007	69	Trung bình	
VII. KHOA ĐIỆN TỬ								
Nghề Điện tử công nghiệp								
334	1	22ĐTCN1	22ĐTCN1.002	Trần Thế Vinh	23/1/2006	80	Tốt	
335	2	22ĐTCN1	22ĐTCN1.003	Nguyễn Duy Khương	17/6/2007	77	Khá	
336	3	22ĐTCN1	22ĐTCN1.001	Trần Thế Minh	14/5/2007	74	Khá	
337	4	22ĐTCN2	22ĐTCN2.007	Giang Thành Nghĩa	12/7/2007	89	Tốt	
338	5	22ĐTCN2	22ĐTCN2.006	Trương Tuấn Kiệt	19/4/2007	74	Khá	
339	6	22ĐTCN2	22ĐTCN2.011	Họt Tấn Vĩ	30/5/2007	73	Khá	
340	7	22ĐTCN2	22ĐTCN2.009	Nguyễn Minh Tâm	13/4/2007	72	Khá	
341	8	22ĐTCN2	22ĐTCN2.010	Đinh Anh Tú	21/11/2007	70	Khá	
342	9	22ĐTCN2	22ĐCN2.003	Võ Nguyễn Minh Huy	29/5/2007	66	Trung bình	
343	10	22ĐTCN2	22ĐTCN2.001	Trần Hoàng Bảo	15/10/2007	0	Yếu	
344	11	22ĐTCN2	22ĐTCN2.002	Trần Quốc Danh	8/6/2003	0	Yếu	
345	12	22ĐTCN2	22ĐTCN2.003	Ngô Kì Đạt	11/8/2005	0	Yếu	
346	13	22ĐTCN2	22ĐTCN2.008	Bạch Hiếu Phong	7/9/2007	0	Yếu	
347	14	22ĐTCN2	22ĐTCN2.012	Đặng Trần Đức Minh	25/7/2006	0	Yếu	
348	15	22ĐTCN2	22ĐTCN2.004	Châu Triệu Huy	11/3/2007	0	KXL	Thôi học
Nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính								
349	1	22SCMT1	22SCMT1.003	Vũ Đức Thịnh	23/7/1993	87	Tốt	
350	2	22SCMT1	22SCMT1.002	Lê Lâm Chí Khan	16/12/2002	85	Tốt	
351	3	22SCMT1	22SCMT1.005	Nguyễn Thành Nhân	20/10/2002	81	Tốt	
352	4	22SCMT1	22SCMT1.006	Nguyễn Hồng Đức	18/11/1997	74	Khá	
353	5	22SCMT1	22SCMT1.001	Nguyễn Thanh Huy	13/1/2006	0	Yếu	
354	6	22SCMT1	22SCMT1.004	Đặng Hoàng Trí	19/3/2004	0	Yếu	
355	7	22SCMT2	22SCMT2.007	Nguyễn Thịnh Khang	29/12/2007	85	Tốt	
356	8	22SCMT2	22SCMT2.004	Nguyễn Trung Hiếu	8/7/2007	86	Tốt	
357	9	22SCMT2	22SCMT2.020	Đặng Quốc Tài	18/9/2005	85	Tốt	
358	10	22SCMT2	22SCMT2.001	Nguyễn Ngọc Thiên Ân	20/3/2006	82	Tốt	
359	11	22SCMT2	22SCMT2.021	Đàm Hạnh Thái	22/3/2007	82	Tốt	
360	12	22SCMT2	22SCMT2.013	Quách Dũng Minh	31/10/2007	82	Tốt	
361	13	22SCMT2	22SCMT2.008	Nguyễn An Khang	10/1/2007	81	Tốt	
362	14	22SCMT2	22SCMT2.026	Lương Nguyễn Triều Vỹ	5/9/2005	81	Tốt	
363	15	22SCMT2	22SCMT2.011	Nguyễn Xuân Lộc	21/2/2007	80	Tốt	
364	16	22SCMT2	22SCMT2.016	Nguyễn Cơ Phát	31/12/2007	80	Tốt	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
365	17	22SCMT2	22SCMT2.025	Thái Minh Vũ	16/4/2005	73	Khá	
366	18	22SCMT2	22SCMT2.018	Đặng Nguyễn Hoài Phong	8/3/2007	72	Khá	
367	19	22SCMT2	22SCMT2.017	Mạch Vĩnh Phong	16/2/2006	72	Khá	
368	20	22SCMT2	22SCMT2.031	Nguyễn Minh Tú	31/10/2006	70	Khá	
369	21	22SCMT2	22SCMT2.015	Ngô Minh Nhật	31/12/2007	70	Khá	
370	22	22SCMT2	22SCMT2.032	Đỗ Học Văn	8/8/2007	69	Trung bình	
371	23	22SCMT2	22SCMT2.002	Giang Tiên Đạt	17/11/2007	67	Trung bình	
372	24	22SCMT2	22SCMT2.003	Nguyễn Hoàng Vũ Duy	6/1/2005	0	Yếu	
373	25	22SCMT2	22SCMT2.005	Nguyễn Thái Hòa	18/9/2007	0	Yếu	
374	26	22SCMT2	22SCMT2.009	Phạm Bá Khôi	11/10/2006	0	Yếu	
375	27	22SCMT2	22SCMT2.010	Võ Anh Kiệt	20/11/2007	0	Yếu	
376	28	22SCMT2	22SCMT2.012	Đặng Nguyễn Phi Long	15/10/2006	0	Yếu	
377	29	22SCMT2	22SCMT2.014	Văn Quý Minh	14/3/2007	0	Yếu	
378	30	22SCMT2	22SCMT2.022	Đỗ Quang Thanh	18/1/2005	0	Yếu	
379	31	22SCMT2	22SCMT2.023	Nguy Hải Thành	20/3/2006	0	Yếu	
380	32	22SCMT2	22SCMT2.024	Võ Minh Thuận	12/6/2007	0	Yếu	
381	33	22SCMT2	22SCMT2.028	Nguyễn Hoàng Thiên Quý	16/10/2007	0	Yếu	
382	34	22SCMT2	22SCMT2.030	Huỳnh Bảo Khanh	24/8/2007	0	Yếu	
383	35	22SCMT2	22SCMT2.033	Dương Minh Hiếu	26/8/2007	0	Yếu	
384	36	22SCMT2	22SCMT2.019	Đường Kiên Quân	18/9/2007	0	KXL	Thôi học
385	37	22SCMT2	22SCMT2.027	Hà Vĩ Xương	9/3/2007	0	KXL	Thôi học
VIII. BỘ MÔN KỸ THUẬT NỮ CÔNG								
Nghề May thời trang								
386	1	22MTT2	22MTT2.005	Huỳnh Thụy Hoàng Diệp	13/12/1995	92	Xuất sắc	
387	2	22MTT2	22MTT2.012	Lâm Huệ Mai	18/10/2006	85	Tốt	
388	3	22MTT2	22MTT2.013	Trương Gia Mẫn	29/9/2007	84	Tốt	
389	4	22MTT2	22MTT2.004	Nguyễn Thành Đạt	7/11/2007	80	Tốt	
390	5	22MTT2	22MTT2.020	Lê Thị Mộng Vy	14/6/2007	79	Khá	
391	6	22MTT2	22MTT2.019	Trần Thái Tường Vi	4/2/2007	78	Khá	
392	7	22MTT2	22MTT2.011	Đặng Gia Lệ	21/4/2007	78	Khá	
393	8	22MTT2	22MTT2.008	Đặng Nguyễn Xuân Hạnh	15/4/2006	78	Khá	
394	9	22MTT2	22MTT2.016	Nguyễn Thị Hồng Thắm	4/12/2006	75	Khá	
395	10	22MTT2	22MTT2.007	Đàm Vinh Hân	31/8/2007	73	Khá	
396	11	22MTT2	22MTT2.009	Phạm Lê Thanh Hòa	2/10/2005	73	Khá	
397	12	22MTT2	22MTT2.010	Diệp Ngọc Khánh	13/11/2007	73	Khá	
398	13	22MTT2	22MTT2.002	Trần Thị Ngọc Ánh	16/7/2007	72	Khá	
399	14	22MTT2	22MTT2.018	Lê Thị Thùy Vân	5/8/2007	70	Khá	
400	15	22MTT2	22MTT2.001	Hoàng Ngọc Phương Anh	2/10/2007	69	Trung bình	
401	16	22MTT2	22MTT2.017	Nguyễn Minh Thiện	5/11/2007	63	Trung bình	
402	17	22MTT2	22MTT1.001	Nguyễn Thị Viên	18/7/2002	0	Yếu	
403	18	22MTT2	22MTT2.003	Tô Gia Bình	19/10/2007	0	Yếu	
404	19	22MTT2	22MTT2.006	Hà Chính Đông	31/8/2007	0	Yếu	
405	20	22MTT2	22MTT2.021	Nguyễn Thị Bích Thủy	5/10/2004	0	Yếu	
406	21	22MTT2	22QTM2.033	Biện Huỳnh Thảo My	18/10/2007	0	Yếu	
407	22	22MTT2	22MTT2.014	Trần Quế Mẫn	17/11/2007	0	KXL	Thôi học
IX. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN								
Nghề Quản trị mạng máy tính								
408	1	22QTM1	22QTM1.004	Trần Quốc Minh	24/9/2006	80	Tốt	
409	2	22QTM1	22QTM1.001	Phạm Quốc Hải	17/7/2006	0	Yếu	
410	3	22QTM1	22QTM1.003	Lê Ngọc Kiên	12/4/1970	0	Yếu	
411	4	22QTM1	22QTM1.002	Lê Ngọc Khôi	2/11/2003	0	KXL	Bảo lưu
412	5	22QTM1	22QTM1.005	Nguyễn Khánh Nguyên	19/4/2003	0	KXL	Thôi học
413	6	22QTM2	22QTM2.050	Từ Cẩm Thành	18/8/2005	88	Tốt	
414	7	22QTM2	22QTM2.079	Nguyễn Hồng Phát	24/3/2007	85	Tốt	
415	8	22QTM2	22QTM2.012	Nguyễn Huy Hoàng	21/6/2007	83	Tốt	
416	9	22QTM2	22QTM2.066	Nguyễn Hoàng Thanh Tú	16/3/2007	82	Tốt	
417	10	22QTM2	22QTM2.045	Trần Hoàng Phúc	16/8/2007	81	Tốt	
418	11	22QTM2	22QTM2.020	Trương Minh Khánh	8/7/2007	80	Tốt	
419	12	22QTM2	22QTM2.014	Tất Hùng	27/10/2006	80	Tốt	
420	13	22QTM2	22QTM2.077	Nguyễn Huỳnh Kim Yến	22/2/2007	79	Khá	
421	14	22QTM2	22QTM2.006	Thái Ngọc Thành Đạt	4/5/2007	79	Khá	
422	15	22QTM2	22QTM2.025	Võ Trung Kiên	26/5/2007	79	Khá	
423	16	22QTM2	22SCMT2.029	Nguyễn Quang Thịnh	24/9/2007	79	Khá	
424	17	22QTM2	22QTM2.062	Trần Cẩm Toàn	5/12/2007	79	Khá	
425	18	22QTM2	22QTM2.029	Thạch Bảo Long	20/1/2006	79	Khá	
426	19	22QTM2	22QTM2.035	Nguyễn Khánh Nam	5/7/2007	79	Khá	
427	20	22QTM2	22SCMT2.006	Nguyễn Ngọc Huy	2/3/2007	79	Khá	
428	21	22QTM2	22QTM2.051	Quách Tuấn Thành	6/6/2006	78	Khá	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
429	22	22QTM2	22QTM2.053	Nguyễn Phương Thảo	16/4/2007	77	Khá	
430	23	22QTM2	22QTM2.013	Trương Trí Hùng	16/5/2007	77	Khá	
431	24	22QTM2	22QTM2.031	Lâm Công Luận	12/12/2005	74	Khá	
432	25	22QTM2	22QTM2.069	Vòng Trung Văn	15/4/2007	76	Khá	
433	26	22QTM2	22QTM2.070	Hứa Quốc Việt	6/11/2005	76	Khá	
434	27	22QTM2	22QTM2.019	Lưu Quốc Khang	25/9/2006	76	Khá	
435	28	22QTM2	22QTM2.042	Lương Vĩnh Phong	21/11/2007	76	Khá	
436	29	22QTM2	22QTM2.041	Kim Nghĩa Phát	28/12/2007	76	Khá	
437	30	22QTM2	22QTM2.058	Nguyễn Anh Thư	11/1/2007	76	Khá	
438	31	22QTM2	22QTM2.071	Trương Chí Vinh	30/10/2007	76	Khá	
439	32	22QTM2	22QTM2.068	Huỳnh Long Tuấn	10/7/2007	76	Khá	
440	33	22QTM2	22QTM2.026	Lưu Văn Kiệt	17/5/2007	70	Khá	
441	34	22QTM2	22QTM2.074	Lê Ngọc Phương Vy	19/10/2007	74	Khá	
442	35	22QTM2	22QTM2.052	Quách Chí Thành	27/12/2007	74	Khá	
443	36	22QTM2	22QTM2.059	Huỳnh Chấn Thuận	17/4/2007	74	Khá	
444	37	22QTM2	22QTM2.038	Nguyễn Phúc Thiện Nhân	14/12/2007	74	Khá	
445	38	22QTM2	22QTM2.036	Huỳnh Bảo Nghi	7/3/2007	73	Khá	
446	39	22QTM2	22QTM2.009	Trần Văn Hải	7/10/2007	73	Khá	
447	40	22QTM2	22QTM2.057	Nguyễn Minh Thông	8/10/2003	73	Khá	
448	41	22QTM2	22QTM2.037	Nguyễn Hải Nguyên	24/8/2007	73	Khá	
449	42	22QTM2	22QTM2.063	Nguyễn Văn Trung	10/7/2006	73	Khá	
450	43	22QTM2	22QTM2.002	Lương Mạnh Thành Công	22/10/2007	73	Khá	
451	44	22QTM2	22QTM2.024	Đinh Cao Đăng Khôi	22/9/2007	73	Khá	
452	45	22QTM2	22QTM2.064	Trương Huỳnh Thanh Trung	11/10/2007	73	Khá	
453	46	22QTM2	22QTM2.003	Lu Nguyễn Mạnh Cường	23/7/2007	73	Khá	
454	47	22QTM2	22QTM2.008	Nguyễn Thanh Độ	16/11/2007	73	Khá	
455	48	22QTM2	22QTM2.005	Huỳnh Chí Đạt	18/11/2007	73	Khá	
456	49	22QTM2	22QTM2.040	Quách Nguyễn Phương Nhi	8/6/2007	73	Khá	
457	50	22QTM2	22QTM2.061	Trần Vũ Minh Tiến	2/12/2007	73	Khá	
458	51	22QTM2	22QTM2.076	Chuyên Tất Tường Vy	11/12/2007	73	Khá	
459	52	22QTM2	22QTM2.048	Trần Mỹ Tâm	7/10/2007	67	Trung bình	
460	53	22QTM2	22QTM2.073	Huỳnh Tôn Vinh	22/3/2007	72	Khá	
461	54	22QTM2	22QTM2.054	Ông Lâm Phúc Thịnh	30/1/2005	72	Khá	
462	55	22QTM2	22QTM2.055	Nguyễn Quốc Thịnh	1/7/2007	71	Khá	
463	56	22QTM2	22QTM2.021	Dương Đăng Khoa	21/12/2006	71	Khá	
464	57	22QTM2	22QTM2.044	Hồ Minh Phú	11/5/2007	71	Khá	
465	58	22QTM2	22QTM2.007	Nguyễn Tấn Đạt	21/7/2007	66	Trung bình	
466	59	22QTM2	22QTM2.046	Nguyễn Mạnh Phúc	20/9/2006	69	Trung bình	
467	60	22QTM2	22QTM2.030	Nguyễn Thành Luân	24/9/2007	65	Trung bình	
468	61	22QTM2	22QTM2.067	Huỳnh Thái Tú	8/5/2006	68	Trung bình	
469	62	22QTM2	22QTM2.010	Lâm Gia Hào	22/7/2006	68	Trung bình	
470	63	22QTM2	22QTM2.027	Lê Tỷ Kỳ	31/5/2007	68	Trung bình	
471	64	22QTM2	22QTM2.056	Phạm Nguyễn Quốc Thịnh	27/2/2007	67	Trung bình	
472	65	22QTM2	22QTM2.065	Lê Văn Đình Tuyết	30/9/2004	60	Trung bình	
473	66	22QTM2	22QTM2.032	Huỳnh Phạm Gia Mẫn	24/9/2007	62	Trung bình	
474	67	22QTM2	22QTM2.001	Lư Mẫn Chi	19/9/2006	0	Yếu	
475	68	22QTM2	22QTM2.018	Võ Văn Khang	10/11/2007	0	Yếu	
476	69	22QTM2	22QTM2.078	Nguyễn Mạnh Cường	15/11/1985	0	Yếu	
477	70	22QTM2	22QTM2.011	Trần Đức Phúc Hậu	17/12/2007	0	Yếu	
478	71	22QTM2	22QTM2.015	Đào Đạt Huy	30/9/2007	0	Yếu	
479	72	22QTM2	22QTM2.016	Lê Bảo Gia Huy	9/11/2006	0	Yếu	
480	73	22QTM2	22QTM2.017	Huỳnh Ngọc Khang	3/12/2006	0	Yếu	
481	74	22QTM2	22QTM2.022	Trần Nguyễn Đăng Khoa	27/10/2005	0	Yếu	
482	75	22QTM2	22QTM2.039	Hồ Minh Nhật	23/7/2007	0	Yếu	
483	76	22QTM2	22QTM2.043	Kiều Phong	11/5/2007	0	Yếu	
484	77	22QTM2	22QTM2.047	On Yên San	17/5/2006	0	Yếu	
485	78	22QTM2	22QTM2.049	Võ Thị Băng Tâm	1/4/2004	0	Yếu	
486	79	22QTM2	22QTM2.075	Ôn Tuyết Vy	22/10/2007	0	Yếu	
487	80	22QTM2	22QTM2.004	Nguyễn Hải Đăng	13/7/2006	73	KXL	Thôi học
488	81	22QTM2	22QTM2.023	Nguyễn Anh Khôi	16/6/2007	0	KXL	Bảo lưu
489	82	22QTM2	22QTM2.028	Bùi Minh Long	31/10/2007	0	KXL	Thôi học
490	83	22QTM2	22QTM2.034	Vòng Tú Mỹ	10/12/2007	0	KXL	Thôi học
491	84	22QTM2	22QTM2.060	Tô Tạ Kim Thùy	13/12/2007	0	KXL	Thôi học
492	85	22QTM2	22QTM2.072	Hứa Hiền Vinh	15/7/2004	0	KXL	Thôi học
Nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính								
493	1	22TKĐH1	22TKĐH1.001	Nguyễn Tuấn Bảo	19/9/1995	89	Tốt	
494	2	22TKĐH1	22TKĐH1.006	Mai Bảo Phương	31/8/1989	85	Tốt	
495	3	22TKĐH1	22TKĐH1.003	Phạm Hào Khang	3/1/2002	83	Tốt	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
496	4	22TKĐH1	22TKĐH1.009	Lương Hoàng Khôi	1/4/2007	82	Tốt	
497	5	22TKĐH1	22TKĐH1.007	Lâm Chi Dũng	26/8/2001	81	Tốt	
498	6	22TKĐH1	22TKĐH1.005	Hoàng Ý Nhi	17/5/2003	76	Khá	
499	7	22TKĐH1	22TKĐH1.013	Bùi Khắc Thành	12/7/2003	75	Khá	
500	8	22TKĐH1	22TKĐH1.011	Phạm Hoàng Bảo Anh	12/7/2004	71	Khá	
501	9	22TKĐH1	22TKĐH1.002	Lý Ngọc Hiếu	26/3/1995	0	Yếu	
502	10	22TKĐH1	22TKĐH1.004	Lê Tuấn Kiệt	13/9/2007	0	Yếu	
503	11	22TKĐH1	22TKĐH1.008	Nguyễn Huỳnh Xuân Duy	9/4/2006	0	Yếu	
504	12	22TKĐH1	22TKĐH1.010	Trần Thanh Nam	20/5/2007	0	Yếu	
505	13	22TKĐH1	22TKĐH1.012	Bùi Ngọc Bảo	19/12/2002	0	Yếu	
506	14	22TKĐH2	22TKĐH2.108	Nguyễn Thị Thanh Trúc	22/11/2007	89	Tốt	
507	15	22TKĐH2	22TKĐH2.105	Chung Văn Tịnh	22/9/2006	88	Tốt	
508	16	22TKĐH2	22TKĐH2.006	Lê Gia Bảo	21/10/2007	88	Tốt	
509	17	22TKĐH2	22TKĐH2.042	Lê Anh Khôi	3/5/2007	88	Tốt	
510	18	22TKĐH2	22TKĐH2.052	Nguyễn Lê Thanh Loan	26/1/2007	87	Tốt	
511	19	22TKĐH2	22TKĐH2.134	Trương Hoàng Kim Uyên	9/11/2000	87	Tốt	
512	20	22TKĐH2	22TKĐH2.008	Lưu Bảo Châu	17/6/2007	85	Tốt	
513	21	22TKĐH2	22TKĐH2.062	Hà Hải My	16/7/2006	85	Tốt	
514	22	22TKĐH2	22TKĐH2.100	Trần Nguyễn Thành Thông	12/10/2007	85	Tốt	
515	23	22TKĐH2	22TKĐH2.119	Phan Xuân Yên	22/10/2007	85	Tốt	
516	24	22TKĐH2	22TKĐH2.110	Lê Trần Thanh Trúc	2/11/2007	85	Tốt	
517	25	22TKĐH2	22TKĐH2.097	Trần Trí Thiện	27/11/2007	85	Tốt	
518	26	22TKĐH2	22TKĐH2.013	Nguyễn Võ Thành Đạt	19/4/2006	85	Tốt	
519	27	22TKĐH2	22TKĐH2.059	Trác Ái Mi	30/6/2007	85	Tốt	
520	28	22TKĐH2	22TKĐH2.073	Hồ Đắc Yên Nhi	17/10/2006	85	Tốt	
521	29	22TKĐH2	22TKĐH2.120	Trần Vy Yên	14/8/2007	84	Tốt	
522	30	22TKĐH2	22TKĐH2.091	Dương Tấn Sang	1/1/2007	84	Tốt	
523	31	22TKĐH2	22TKĐH2.004	Huỳnh Trúc Anh	24/8/2007	84	Tốt	
524	32	22TKĐH2	22TKĐH2.041	Dương Hồng Anh Khoa	11/11/2007	83	Tốt	
525	33	22TKĐH2	22TKĐH2.039	Trần Thục Khánh	21/2/2007	83	Tốt	
526	34	22TKĐH2	22TKĐH2.027	Trần Minh Hưng	21/11/2006	83	Tốt	
527	35	22TKĐH2	22TKĐH2.046	Trần Ngọc Hoàng Kim	27/2/2007	83	Tốt	
528	36	22TKĐH2	22TKĐH2.113	Lưu Nguyễn Nguyên Tùng	10/11/2007	83	Tốt	
529	37	22TKĐH2	22TKĐH2.098	Nguyễn Hữu Thiện	26/12/2007	83	Tốt	
530	38	22TKĐH2	22TKĐH2.057	Nguyễn Thịnh Mãi	1/11/2007	83	Tốt	
531	39	22TKĐH2	22TKĐH2.070	Vương Thúy Nhân	15/6/2007	83	Tốt	
532	40	22TKĐH2	22TKĐH2.115	Tiết Cảnh Văn	5/1/2007	83	Tốt	
533	41	22TKĐH2	22TKĐH2.060	Nguyễn Tuấn Minh	21/7/2007	83	Tốt	
534	42	22TKĐH2	22TKĐH2.107	Trần Minh Trang	13/9/2007	83	Tốt	
535	43	22TKĐH2	22TKĐH2.026	Trần Minh Hiếu	12/6/2007	83	Tốt	
536	44	22TKĐH2	22TKĐH2.075	Trần Yên Như	28/10/2007	82	Tốt	
537	45	22TKĐH2	22TKĐH2.051	Nguyễn Văn Linh	27/6/2007	82	Tốt	
538	46	22TKĐH2	22TKĐH2.029	Trần Gia Huy	20/9/2007	82	Tốt	
539	47	22TKĐH2	22TKĐH2.061	Nguyễn Bình Minh	7/10/2007	82	Tốt	
540	48	22TKĐH2	22TKĐH2.112	Nguyễn Bửu Tuệ	21/11/2007	81	Tốt	
541	49	22TKĐH2	22TKĐH2.050	Đinh Ngọc Linh	13/1/2007	81	Tốt	
542	50	22TKĐH2	22TKĐH2.056	Võ Phạm Huỳnh Luân	18/12/2007	81	Tốt	
543	51	22TKĐH2	22TKĐH2.131	Nguyễn Đỗ Bảo Nghiêm	17/9/2003	81	Tốt	
544	52	22TKĐH2	22TKĐH2.036	Tạ Vĩ Khang	22/11/2007	81	Tốt	
545	53	22TKĐH2	22TKĐH2.002	Quang Gia Ân	26/11/2007	81	Tốt	
546	54	22TKĐH2	22TKĐH2.045	La Anh Kiệt	30/10/2007	81	Tốt	
547	55	22TKĐH2	22TKĐH2.064	Lê Hoài Nam	29/12/2007	81	Tốt	
548	56	22TKĐH2	22TKĐH2.078	Dương Hoàng Tấn Phát	15/7/2007	80	Tốt	
549	57	22TKĐH2	22TKĐH2.086	Nguyễn Thùy Bích Phượng	5/5/2005	80	Tốt	
550	58	22TKĐH2	22TKĐH2.007	Trịnh Hùng Cầm	27/1/2007	80	Tốt	
551	59	22TKĐH2	22TKĐH2.069	Châu Kính Nguyên	17/5/2006	80	Tốt	
552	60	22TKĐH2	22TKĐH2.010	Thái Thành Danh	13/5/2007	80	Tốt	
553	61	22TKĐH2	22TKĐH2.088	Trần Vinh Quang	25/9/2006	80	Tốt	
554	62	22TKĐH2	22TKĐH2.068	Nguyễn Thị Kim Ngọc	5/6/2007	80	Tốt	
555	63	22TKĐH2	22TKĐH2.092	Quách Đình Sang	29/9/2007	80	Tốt	
556	64	22TKĐH2	22TKĐH2.099	La Trần Minh Thông	20/9/2006	80	Tốt	
557	65	22TKĐH2	22TKĐH2.005	Nguyễn Thế Anh	1/4/2007	80	Tốt	
558	66	22TKĐH2	22TKĐH2.009	Huỳnh Quốc Cường	2/9/2007	80	Tốt	
559	67	22TKĐH2	22TKĐH2.132	Huỳnh Kim Mẫn	25/8/2007	80	Tốt	
560	68	22TKĐH2	22TKĐH2.054	Quách Gia Lộc	11/7/2007	79	Khá	
561	69	22TKĐH2	22TKĐH2.003	Hồ Thị Kiều Anh	20/11/2007	78	Khá	
562	70	22TKĐH2	22TKĐH2.030	Lâm Vi Quốc Huy	13/12/2007	78	Khá	
563	71	22TKĐH2	22TKĐH2.011	Thái Gia Đào	11/7/2006	78	Khá	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
564	72	22TKĐH2	22TKĐH2.067	Nguyễn Đông Nghi	7/12/2007	78	Khá	
565	73	22TKĐH2	22TKĐH2.093	Chia Zhi Shan	19/2/2007	77	Khá	
566	74	22TKĐH2	22TKĐH2.031	Nguyễn Quang Huy	17/3/2006	77	Khá	
567	75	22TKĐH2	22TKĐH2.094	Phạm Quang Sơn	11/9/2006	77	Khá	
568	76	22TKĐH2	22TKĐH2.012	Bùi Tân Đạt	22/12/2007	77	Khá	
569	77	22TKĐH2	22TKĐH2.087	Lưu Vĩnh Quang	20/5/2007	76	Khá	
570	78	22TKĐH2	22TKĐH2.022	Văn Gia Hào	22/6/2007	76	Khá	
571	79	22TKĐH2	22TKĐH2.023	Lý Hào	29/12/2007	76	Khá	
572	80	22TKĐH2	22TKĐH2.049	Nguyễn Thụy Ánh Linh	15/10/2007	76	Khá	
573	81	22TKĐH2	22TKĐH2.033	Huỳnh Minh Khang	3/1/2007	75	Khá	
574	82	22TKĐH2	22TKĐH2.035	Nguyễn Tuấn Khang	14/11/2006	75	Khá	
575	83	22TKĐH2	22TKĐH2.106	Chung Ngọc Phương Trân	14/12/2005	75	Khá	
576	84	22TKĐH2	22TKĐH2.024	Trần Trọng Hiếu	29/12/2005	75	Khá	
577	85	22TKĐH2	22TKĐH2.085	Đặng Ái Phương	20/8/2007	72	Khá	
578	86	22TKĐH2	22TKĐH2.090	Lương Ngọc Như Quỳnh	14/12/2001	72	Khá	
579	87	22TKĐH2	22TKĐH2.066	Châu Ngọc Xuân Nghi	26/2/2007	69	Trung bình	
580	88	22TKĐH2	22TKĐH2.118	Huỳnh Phan Kim Yên	11/7/2007	70	Khá	
581	89	22TKĐH2	22TKĐH2.103	Nguyễn Minh Thy	10/11/2006	70	Khá	
582	90	22TKĐH2	22TKĐH2.034	Nguyễn Khang	20/8/2007	69	Trung bình	
583	91	22TKĐH2	22TKĐH2.102	Nguyễn Ngọc Minh Thư	10/10/2007	64	Trung bình	
584	92	22TKĐH2	22TKĐH2.044	Bùi Anh Kiệt	24/10/2007	0	Yếu	
585	93	22TKĐH2	22TKĐH2.001	Quách Tấn An	12/12/2007	0	Yếu	
586	94	22TKĐH2	22TKĐH2.079	Huỳnh Minh Phát	27/9/2007	0	Yếu	
587	95	22TKĐH2	22TKĐH2.077	Bê Tiên Phát	23/3/2006	0	Yếu	
588	96	22TKĐH2	22TKĐH2.076	Nguyễn Ngọc Việt Pháp	19/7/2006	0	Yếu	
589	97	22TKĐH2	22TKĐH2.072	Huỳnh Thị Tuyết Nhi	12/1/2007	0	Yếu	
590	98	22TKĐH2	22TKĐH2.081	Vô Thành Phát	23/5/2007	0	Yếu	
591	99	22TKĐH2	22TKĐH2.080	Nguyễn Hoàng Phát	20/6/2007	0	Yếu	
592	100	22TKĐH2	22TKĐH2.019	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	15/6/2005	0	Yếu	
593	101	22TKĐH2	22TKĐH2.114	Huỳnh Lê Phương Uyên	25/7/2007	0	Yếu	
594	102	22TKĐH2	22TKĐH2.058	Trần Tú Mẫn	9/11/2007	0	Yếu	
595	103	22TKĐH2	22TKĐH2.135	Nguyễn Minh Hào	21/4/2005	0	Yếu	
596	104	22TKĐH2	22TKĐH2.043	Trần Vĩ Kiệt	3/10/2007	0	Yếu	
597	105	22TKĐH2	22TKĐH2.053	Phạm Nguyễn Tấn Lộc	31/12/2007	0	Yếu	
598	106	22TKĐH2	22TKĐH2.063	Đặng Mỹ Mỹ	30/11/2007	0	Yếu	
599	107	22TKĐH2	22TKĐH2.084	Lê Quang Phước	7/3/2006	0	Yếu	
600	108	22TKĐH2	22TKĐH2.083	Nguyễn Huỳnh Quốc Phú	13/6/2007	0	Yếu	
601	109	22TKĐH2	22TKĐH2.025	Đinh Quốc Hiếu	10/3/2007	0	Yếu	
602	110	22TKĐH2	22CNO2.129	Hoàng Trọng Minh Tiến	3/8/2006	0	Yếu	
603	111	22TKĐH2	22TKĐH2.074	Nguyễn Bội Như	17/8/2006	0	Yếu	
604	112	22TKĐH2	22TKĐH2.082	Trịnh Kim Phiêu	19/12/2006	0	Yếu	
605	113	22TKĐH2	22TKĐH2.014	Đỗ Ngọc Đức	16/7/2007	0	Yếu	
606	114	22TKĐH2	22TKĐH2.015	Lê Thủy Dung	5/3/2002	0	Yếu	
607	115	22TKĐH2	22TKĐH2.016	Trần Đức Dương	18/10/2003	0	Yếu	
608	116	22TKĐH2	22TKĐH2.017	Nguyễn Trần Đông Dương	11/6/2007	0	Yếu	
609	117	22TKĐH2	22TKĐH2.018	Phạm Quốc Duy	3/5/2007	0	Yếu	
610	118	22TKĐH2	22TKĐH2.089	Nguyễn Nhật Quốc	7/5/2006	0	Yếu	
611	119	22TKĐH2	22TKĐH2.020	Nguyễn Ngọc Khánh Hà	10/5/2006	0	Yếu	
612	120	22TKĐH2	22TKĐH2.021	Ngô Gia Hân	13/5/2007	0	Yếu	
613	121	22TKĐH2	22TKĐH2.095	Thái Anh Tài	25/7/2007	0	Yếu	
614	122	22TKĐH2	22TKĐH2.096	Ngô Đức Thiện	26/2/2007	0	Yếu	
615	123	22TKĐH2	22TKĐH2.028	Nguyễn Quang Huy	31/8/2007	0	Yếu	
616	124	22TKĐH2	22TKĐH2.101	Trần Anh Thư	28/7/2007	0	Yếu	
617	125	22TKĐH2	22TKĐH2.037	Lưu Vĩ Khang	10/5/2006	0	Yếu	
618	126	22TKĐH2	22TKĐH2.038	Vương Bảo Khang	26/1/2007	0	Yếu	
619	127	22TKĐH2	22TKĐH2.109	Lê Nguyễn Thanh Trúc	23/3/2007	0	Yếu	
620	128	22TKĐH2	22TKĐH2.111	Nguyễn Nhật Tú	29/9/2007	0	Yếu	
621	129	22TKĐH2	22TKĐH2.116	Hồ Quang Vinh	8/11/2007	0	Yếu	
622	130	22TKĐH2	22TKĐH2.048	Lê Tú Lâm	16/9/2004	0	Yếu	
623	131	22TKĐH2	22TKĐH2.121	Trương Công Bảo An	10/4/2007	0	Yếu	
624	132	22TKĐH2	22TKĐH2.122	Nguyễn Trần Minh Huân	11/8/2006	0	Yếu	
625	133	22TKĐH2	22TKĐH2.123	Lê Hoàng Long	14/8/2007	0	Yếu	
626	134	22TKĐH2	22TKĐH2.124	Hà Anh Phúc	7/1/2005	0	Yếu	
627	135	22TKĐH2	22TKĐH2.055	Lưu Tấn Lộc	17/5/2007	0	Yếu	
628	136	22TKĐH2	22TKĐH2.125	Phan Chu Nhật Tân	12/11/2005	0	Yếu	
629	137	22TKĐH2	22TKĐH2.126	Đoàn Vũ Nhật Trường	9/9/2003	0	Yếu	
630	138	22TKĐH2	22TKĐH2.127	Trần Thị Kim Anh	12/5/2007	0	Yếu	
631	139	22TKĐH2	22TKĐH2.128	Nguyễn Tấn Thành Long	31/1/2005	0	Yếu	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
632	140	22TKĐH2	22TKĐH2.129	Vũ Minh Mão	11/9/2006	0	Yếu	
633	141	22TKĐH2	22TKĐH2.130	Vòng Thành Minh	23/9/2003	0	Yếu	
634	142	22TKĐH2	22TKĐH2.133	Lê Bích Châu	10/6/2007	0	Yếu	
635	143	22TKĐH2	22TKĐH2.065	Bùi Phạm Trung Nam	11/4/2007	0	Yếu	
636	144	22TKĐH2	22TKĐH2.136	Đoàn Sĩ Dáng	25/9/2004	0	Yếu	
637	145	22TKĐH2	22TKĐH2.138	Phạm Thế Anh	8/10/2002	0	Yếu	
638	146	22TKĐH2	22TKĐH2.047	Lương Quân Lạc	4/3/2007	75	KXL	Thôi học
639	147	22TKĐH2	22TKĐH2.071	Lý Bội Nhi	20/11/2007	0	KXL	Bảo lưu
640	148	22TKĐH2	22TKĐH2.032	Nhan Vĩnh Khang	22/2/2007	0	KXL	Thôi học
641	149	22TKĐH2	22TKĐH2.104	La Vĩnh Tiến	20/10/2005	0	KXL	Bảo lưu
642	150	22TKĐH2	22TKĐH2.040	Trần Đăng Khoa	7/1/2007	0	KXL	Thôi học
643	151	22TKĐH2	22TKĐH2.117	Nguyễn Tường Vy	27/2/2007	0	KXL	Thôi học
644	152	22TKĐH2	22TKĐH2.137	Mai Khánh Duy	7/3/2005	0	KXL	Thôi học
C KHÓA 23K17								
I. KHOA BẢO TRÌ CƠ KHÍ								
Nghề Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí								
1	1	23BCK1	23BCK2.008	Trần Minh Hoàng	24/2/2006	80	Tốt	
2	2	23BCK2	23BCK2.002	Nguyễn Minh Huân	12/9/2008	88	Tốt	
3	3	23BCK2	23BCK2.001	Trần Nguyễn Anh Hải	19/6/2008	87	Tốt	
4	4	23BCK2	23BCK2.005	Nguyễn Tấn Sang	18/8/2008	87	Tốt	
5	5	23BCK2	23BCK2.006	Phan Minh Tấn	12/3/2008	85	Tốt	
6	6	23BCK2	23BCK2.003	Nguyễn Duy Khang	2/8/2008	84	Tốt	
7	7	23BCK2	23BCK2.004	Tất Tuấn Kiệt	13/5/2008	74	Khá	
II. KHOA KỸ THUẬT LẠNH								
Nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh								
8	1	23CĐL1	23CĐL2.011	Trần Thành Luân	1/1/2008	82	Tốt	
9	2	23CĐL1	23CĐL1.002	Phạm Hiếu Nghĩa	23/6/2005	78	Khá	
10	3	23CĐL1	23CĐL1.001	Bùi Trung Hậu	29/6/2003	75	Khá	
11	4	23CĐL1	23CĐL2.012	Nguyễn Thành Nghĩa	16/7/2008	74	Khá	
12	5	23CĐL1	23CĐL2.014	Nguyễn Thành Phát	1/6/2007	0	Yếu	
13	6	23CĐL1	23CĐL2.013	Quách Xảo Văn	14/12/2008	0	KXL	Thôi học
14	7	23CĐL2	23CĐL2.009	Nguyễn Trần Anh Phương	2/1/2008	84	Tốt	
15	8	23CĐL2	23CĐL2.002	Lưu Minh Đại	17/8/2008	81	Tốt	
16	9	23CĐL2	23CĐL2.007	Trần Hoàng Thiên Phúc	7/6/2008	81	Tốt	
17	10	23CĐL2	23CĐL2.016	Trần Hoàng Tuấn Đạt	14/4/2005	81	Tốt	
18	11	23CĐL2	23CĐL2.006	Lý Vĩnh Nhật	31/8/2008	75	Khá	
19	12	23CĐL2	23CĐL2.003	Nguyễn Công Danh	8/5/2008	73	Khá	
20	13	23CĐL2	23BCK2.007	Nguyễn Thới Minh Vũ	18/3/2008	66	Trung bình	
21	14	23CĐL2	23CĐL2.005	Lý Vĩnh Khang	30/5/2008	0	Yếu	
22	15	23CĐL2	23CĐL2.010	Nguyễn Phú Quý	26/6/2008	0	Yếu	
23	16	23CĐL2	23CĐL2.001	Trần Tuấn An	16/2/2008	0	Yếu	
24	17	23CĐL2	23CĐL2.008	Mã Minh Phương	22/11/2007	0	Yếu	
25	18	23CĐL2	23CĐL2.015	Trần Công Hiếu	21/3/2008	0	KXL	Thôi học
Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí								
26	1	23KTL1	23KTL1.001	Trần Ngọc Nam	6/12/2004	91	Xuất sắc	
27	2	23KTL1	23KTL1.003	Nguyễn Đình Chiến	17/5/2002	83	Tốt	
28	3	23KTL1	23KTL2.020	Võ Văn Hùng	22/8/2008	79	Khá	
29	4	23KTL1	23KTL2.021	Lâm Tiến Phát	2/12/2007	0	Yếu	
30	5	23KTL1	23KTL1.002	Lý Kỳ Sư	12/2/2001	0	KXL	Bảo lưu
31	6	23KTL2	23KTL2.009	Đoàn Diệp Gia Khiêm	19/8/2008	90	Xuất sắc	
32	7	23KTL2	23KTL2.019	Dương Đình Vũ	11/7/2006	84	Tốt	
33	8	23KTL2	23KTL2.018	Vương Cẩm Toàn	18/8/2008	84	Tốt	
34	9	23KTL2	23KTL2.005	MôHaMad HaLim	15/3/2006	83	Tốt	
35	10	23KTL2	23KTL2.012	Nguyễn Tấn Lộc	29/4/2007	82	Tốt	
36	11	23KTL2	23KTL2.004	Ngô Duy Hải	6/6/2008	80	Tốt	
37	12	23KTL2	23ĐCN2.007	Nguyễn Quốc Khánh	15/7/2007	80	Tốt	
38	13	23KTL2	23KTL2.002	Đinh Công Danh	4/1/2008	77	Khá	
39	14	23KTL2	23KTL2.010	Trần Gia Lạc	19/9/2008	76	Khá	
40	15	23KTL2	23KTL2.006	Diệc Thế Hào	5/1/2007	75	Khá	
41	16	23KTL2	23KTL2.015	Trần Đông Phương	6/3/2008	74	Khá	
42	17	23KTL2	23KTL2.003	Lâm Xương Đạt	23/8/2008	74	Khá	
43	18	23KTL2	23KTL2.011	Hồ Quang Linh	5/10/2007	72	Khá	
44	19	23KTL2	23KTL2.008	Trần Kiên Huê	28/9/2008	69	Trung bình	
45	20	23KTL2	23KTL2.013	Trần Nguyễn Trọng Nhân	27/3/2008	69	Trung bình	
46	21	23KTL2	23KTL2.016	Nguyễn Công Thức	2/5/2008	68	Trung bình	
47	22	23KTL2	23KTL2.017	Đỗ Thành Tiến	13/9/2008	67	Trung bình	
48	23	23KTL2	23KTL2.007	Trịnh Tiên Hào	24/10/2008	66	Trung bình	
49	24	23KTL2	23KTL2.001	Nguyễn Hải Đăng	11/3/2008	66	Trung bình	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
50	25	23KTL2	23CĐL2.004	Trần Nhựt Duy	21/2/2008	0	Yếu	
51	26	23KTL2	23KTL2.014	Bành Thiên Phước	15/11/2008	0	Yếu	
III. KHOA CƠ ĐIỆN TỬ								
Nghề Cơ điện tử								
52	1	23CĐT1	23CĐT2.006	Trần Quốc Thông	6/3/1990	88	Tốt	
53	2	23CĐT2	23CĐT2.001	Vũ Hùng Gia Huy	22/3/2008	86	Tốt	
54	3	23CĐT2	23CĐT2.003	Phạm Nguyễn Bình Nguyên	11/8/2008	78	Khá	
55	4	23CĐT2	23CĐT2.004	Trần Hoàng Minh Phi	16/9/2008	77	Khá	
56	5	23CĐT2	23CĐT2.002	Vũ Quang Huy	25/10/2008	71	Khá	
57	6	23CĐT2	23CĐT2.005	Bùi Thanh Phong	2/10/2008	67	Trung bình	
IV. KHOA CƠ KHÍ CHÍNH XÁC								
Nghề Cắt gọt kim loại								
58	1	23CGKL1	23CGKL1.001	Hồ Văn An	26/6/2002	94	Xuất sắc	
59	2	23CGKL1	23CGKL1.005	Trương Minh Trí	30/9/2005	88	Tốt	
60	3	23CGKL1	23CGKL2.009	Hồng Chấn Tín	25/11/2008	85	Tốt	
61	4	23CGKL1	23CGKL1.002	Vũ Nguyễn Công Chính	18/7/2004	74	Khá	
62	5	23CGKL1	23CGKL1.003	Nguyễn Hoàng Minh	29/6/2002	0	Yếu	
63	6	23CGKL1	23CGKL1.004	Huỳnh Trường Vĩ	26/5/2001	0	Yếu	
64	7	23CGKL1	23CGKL1.006	Lê Hoài Phương	13/1/1996	0	Yếu	
65	8	23CGKL1	23CGKL2.008	Phan Minh Thuận	17/6/2005	0	Yếu	
66	9	23CGKL1	23CGKL2.012	Trần Đăng Gia Bảo	20/2/1991	0	Yếu	
67	10	23CGKL1	23CGKL2.013	Hoàng Văn Phương	14/8/2000	0	Yếu	
68	11	23CGKL2	23CGKL2.006	Huỳnh Hữu Lộc	29/2/2008	88	Tốt	
69	12	23CGKL2	23CGKL2.005	Lê Trung Kiên	12/9/2008	88	Tốt	
70	13	23CGKL2	23CGKL2.001	Liên Quốc Bảo	23/8/2007	85	Tốt	
71	14	23CGKL2	23CGKL2.002	Lý Tuấn Đạt	31/10/2008	83	Tốt	
72	15	23CGKL2	23CGKL2.007	Trương Đồng Thắng	15/8/2007	82	Tốt	
73	16	23CGKL2	23CGKL2.003	Nguyễn Minh Khang	13/5/2008	80	Tốt	
74	17	23CGKL2	23CGKL2.004	Phan Minh Khôi	28/8/2008	73	Khá	
75	18	23CGKL2	23CGKL2.010	Lê Minh Tâm	22/7/2008	64	Trung bình	
76	19	23CGKL2	23CGKL2.011	Bành Quốc Tuấn	20/3/2006	0	KXL	Bảo lưu
V. KHOA CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC								
Nghề Công nghệ Ô tô								
77	1	23CNO1	23CNO2.123	Lê Mạnh Hưng	4/11/2002	84	Tốt	
78	2	23CNO1	23CNO2.146	Trần Đức Lợi	23/10/2005	82	Tốt	
79	3	23CNO1	23CNO2.134	Ngô Minh Thuận	23/7/2008	82	Tốt	
80	4	23CNO1	23CNO2.121	Lâm Phương Duy	24/11/1997	81	Tốt	
81	5	23CNO1	23CNO1.002	Trần Thanh Hưng	25/8/2003	79	Khá	
82	6	23CNO1	23CNO1.005	Phan Hùng Dũng	21/6/2004	76	Khá	
83	7	23CNO1	23CNO2.129	Đỗ Hào Phong	23/11/2008	74	Khá	
84	8	23CNO1	23CNO1.001	Nguyễn Hữu Dũng	17/1/2003	74	Khá	
85	9	23CNO1	23CNO2.136	Nguyễn Anh Tuấn	4/10/2005	73	Khá	
86	10	23CNO1	23CNO2.138	Nguyễn Quang Tuấn	27/9/2004	0	Yếu	
87	11	23CNO1	23CNO2.133	Nguyễn Trí Quang Thanh	25/4/2008	0	Yếu	
88	12	23CNO1	23CNO1.004	Lê Hữu Thiện	24/7/2002	0	Yếu	
89	13	23CNO1	23CNO2.135	Nguyễn Sơn Trí	29/7/2008	0	Yếu	
90	14	23CNO1	23CNO1.003	Trần Quốc Việt	12/12/2005	0	Yếu	
91	15	23CNO1	23CNO2.119	Nguyễn Thành Công	28/10/2007	0	Yếu	
92	16	23CNO1	23CNO2.120	Nguyễn Quang Dinh	24/7/2008	0	Yếu	
93	17	23CNO1	23CNO2.122	Đỗ Thành Hiếu	22/8/2008	0	Yếu	
94	18	23CNO1	23CNO2.124	Phùng Đăng Khánh	9/4/2006	0	Yếu	
95	19	23CNO1	23CNO2.125	Lại Trần Quang Minh	10/5/2007	0	Yếu	
96	20	23CNO1	23CNO2.126	Nguyễn Tấn Nhật Minh	22/11/2007	0	Yếu	
97	21	23CNO1	23CNO2.127	Nguyễn Khoa Nam	21/10/2008	0	Yếu	
98	22	23CNO1	23CNO2.128	Đỗ Hữu Nghĩa	19/9/2008	0	Yếu	
99	23	23CNO1	23CNO2.131	Trần Ngọc Quý	8/1/2005	0	Yếu	
100	24	23CNO1	23CNO2.132	Đặng Quang Thắng	18/6/2004	0	Yếu	
101	25	23CNO1	23CNO2.137	Nguyễn Phương Vinh	7/8/2005	0	Yếu	
102	26	23CNO1	23CNO2.154	Nguyễn Hữu Đắc	23/8/2008	0	Yếu	
103	27	23CNO2	23CNO2.064	Trương Gia Minh	10/10/2004	90	Xuất sắc	
104	28	23CNO2	23CNO2.145	Võ Ngọc Minh	7/11/2002	84	Tốt	
105	29	23CNO2	23CNO2.095	Bùi Viết Thanh	14/2/1977	83	Tốt	
106	30	23CNO2	23CNO2.005	Nguyễn Tuấn Anh	28/2/2007	79	Khá	
107	31	23CNO2	23CNO2.016	Trương Minh Đô	13/12/2007	78	Khá	
108	32	23CNO2	23CNO2.027	Trần Quang Duy	13/4/2008	78	Khá	
109	33	23CNO2	23CNO2.002	Đoàn Hồng Quốc Anh	29/10/2008	78	Khá	
110	34	23CNO2	23CNO2.092	Nguyễn Tấn Thắng	30/4/2008	76	Khá	
111	35	23CNO2	23CNO2.051	Phạm Hòa Khang	14/4/2008	76	Khá	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
112	36	23CNO2	23CNO2.025	Nguyễn Ngô Nhật Duy	16/12/2008	76	Khá	
113	37	23CNO2	23CNO2.008	Trần Duy Bảo	17/10/2005	76	Khá	
114	38	23CNO2	23CNO2.004	Nguyễn Đào Nhật Anh	16/12/2008	76	Khá	
115	39	23CNO2	23CNO2.041	Phạm Gia Huy	9/7/2008	76	Khá	
116	40	23CNO2	23CNO2.028	Trần Thanh Duy	22/9/2008	75	Khá	
117	41	23CNO2	23CNO2.009	Nguyễn Duy Bình	7/11/2007	75	Khá	
118	42	23CNO2	23CNO2.088	Nguyễn Phát Anh Tài	28/6/2008	74	Khá	
119	43	23CNO2	23CNO2.030	Nguyễn Tô Đông Hiếu	19/10/2008	74	Khá	
120	44	23CNO2	23CNO2.110	Vũ Minh Trung	3/1/2008	74	Khá	
121	45	23CNO2	23CNO2.022	Bùi Phi Anh Duy	14/4/2008	74	Khá	
122	46	23CNO2	23CNO2.052	Đặng Kim Khoa	23/3/2008	74	Khá	
123	47	23CNO2	23CNO2.147	Trần Vũ Duy	16/3/2005	73	Khá	
124	48	23CNO2	23CNO2.061	Trần Hoàng Long	13/9/2008	73	Khá	
125	49	23CNO2	23CNO2.019	Lê Đức Dũng	5/12/2008	73	Khá	
126	50	23CNO2	23CNO2.039	Lý Quốc Huy	14/5/2008	73	Khá	
127	51	23CNO2	23CNO2.047	Lý Trí Khang	6/7/2008	73	Khá	
128	52	23CNO2	23CNO2.090	Trịnh Văn Tài	2/4/2008	72	Khá	
129	53	23CNO2	23CNO2.100	Nguyễn Ngọc Thiện	13/8/2008	72	Khá	
130	54	23CNO2	23CNO2.011	Lâm Dương Bình	5/4/2008	72	Khá	
131	55	23CNO2	23CNO2.111	Nguyễn Hoàng Anh Tú	29/6/2008	71	Khá	
132	56	23CNO2	23CNO2.070	Nguyễn Lâm Quốc Nhân	1/8/2007	71	Khá	
133	57	23CNO2	23CNO2.079	Huỳnh Gia Phú	19/12/2007	71	Khá	
134	58	23CNO2	23CNO2.083	Nguyễn Minh Phúc	10/12/2008	71	Khá	
135	59	23CNO2	23CNO2.148	Võ Kế Trường	2/1/2007	70	Khá	
136	60	23CNO2	23CNO2.098	Lê Thiện	26/8/2008	70	Khá	
137	61	23CNO2	23CNO2.118	Nguyễn Tấn Vương	30/7/2008	70	Khá	
138	62	23CNO2	23CNO2.054	Võ Phước Đăng Khoa	3/12/2008	70	Khá	
139	63	23CNO2	23CNO2.081	Trần Phú	11/3/2008	69	Trung bình	
140	64	23CNO2	23CNO2.115	Huỳnh Trí Vĩ	15/5/2008	69	Trung bình	
141	65	23CNO2	23CNO2.114	Võ Thanh Tùng	24/7/2007	69	Trung bình	
142	66	23CNO2	23CNO2.106	Lê Văn Trung	6/6/2008	69	Trung bình	
143	67	23CNO2	23CNO2.023	Đinh Hoàng Duy	20/6/2008	69	Trung bình	
144	68	23CNO2	23CNO2.059	Nguyễn Tấn Lộc	13/4/2008	69	Trung bình	
145	69	23CNO2	23CNO2.078	Huỳnh Chân Phú	4/1/2008	69	Trung bình	
146	70	23CNO2	23CNO2.003	Nguyễn Đỗ Ngọc Bảo	21/2/2007	68	Trung bình	
147	71	23CNO2	23CNO2.055	Phạm Trung Kiên	15/9/2008	68	Trung bình	
148	72	23CNO2	23CNO2.077	Huỳnh Thanh Phong	3/2/2005	68	Trung bình	
149	73	23CNO2	23CNO2.097	Tăng Trí Thành	27/10/2008	68	Trung bình	
150	74	23CNO2	23CNO2.116	Phạm Gia Vĩ	5/8/2007	68	Trung bình	
151	75	23CNO2	23CNO2.053	Dương Lê Minh Khoa	25/11/2008	68	Trung bình	
152	76	23CNO2	23CNO2.087	Nguyễn Tấn Sang	2/4/2008	67	Trung bình	
153	77	23CNO2	23CNO2.057	Võ Tấn Kiệt	17/10/2008	67	Trung bình	
154	78	23CNO2	23CNO2.069	Phạm Việt Thanh Nhân	7/7/2008	67	Trung bình	
155	79	23CNO2	23CNO2.149	Nguyễn Công Hậu	27/3/2007	67	Trung bình	
156	80	23CNO2	23CNO2.080	Nguyễn Minh Quân	27/7/2008	66	Trung bình	
157	81	23CNO2	23CNO2.091	Lê Quốc Thái	19/7/2008	65	Trung bình	
158	82	23CNO2	23CNO2.032	Đỗ Việt Hoàng	12/3/2007	65	Trung bình	Cảnh cáo
159	83	23CNO2	23CNO2.014	Nguyễn Hoàng Minh Đạt	16/12/2006	65	Trung bình	Cảnh cáo
160	84	23CNO2	23CNO2.045	Nguyễn Minh Khang	14/2/2008	65	Trung bình	
161	85	23CNO2	23CNO2.096	Dah Nguyễn Huy Thành	4/6/2008	64	Trung bình	
162	86	23CNO2	23CNO2.113	Võ Hoàng Gia Tuấn	5/11/2007	64	Trung bình	
163	87	23CNO2	23CNO2.067	Bành Nguyễn Hiếu Nghĩa	19/11/2008	64	Trung bình	
164	88	23CNO2	23CNO2.062	Võ Hoàng Long	5/3/2008	64	Trung bình	Cảnh cáo
165	89	23CNO2	23CNO2.035	Ngô Thanh Hưng	2/8/2007	64	Trung bình	
166	90	23CNO2	23CNO2.141	Thiếu Phạm Sỹ Phú	12/3/2008	64	Trung bình	Cảnh cáo
167	91	23CNO2	23CNO2.084	Phạm Minh Quân	3/3/2008	63	Trung bình	
168	92	23CNO2	23CNO2.143	Trần Nguyễn Hoàng Bảo	9/10/2008	63	Trung bình	
169	93	23CNO2	23CNO2.068	Phạm Đăng Nguyên	26/7/2008	62	Trung bình	
170	94	23CNO2	23CNO2.099	Nguyễn Đỗ Duy Thiện	28/10/2008	62	Trung bình	
171	95	23CNO2	23CNO2.042	Tăng Khánh Huy	12/4/2006	61	Trung bình	
172	96	23CNO2	23CNO2.044	Omar Ali Jamin	11/6/2008	61	Trung bình	
173	97	23CNO2	23CNO2.021	Nguyễn Quốc Dũng	13/6/2008	59	Trung bình	
174	98	23CNO2	23CNO2.060	Trần Tiến Lộc	16/11/2008	58	Trung bình	
175	99	23CNO2	23CNO2.103	Huỳnh Gia Tiến	27/7/2008	0	Yếu	
176	100	23CNO2	23CNO2.066	Trần Đông Nam	6/3/2008	0	Yếu	
177	101	23CNO2	23CNO2.040	Nguyễn Lâm Huy	16/1/2008	0	Yếu	
178	102	23CNO2	23CNO2.043	La Gia Hy	28/4/2008	0	Yếu	
179	103	23CNO2	23CNO2.150	Nguyễn Tuấn Hưng	23/12/2008	0	Yếu	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
180	104	23CNO2	23CNO2.058	Mai Nguyễn Văn Lắm	29/1/2008	0	Yếu	
181	105	23CNO2	23CNO2.076	Nguyễn Thanh Gia Phát	29/7/2008	0	Yếu	
182	106	23CNO2	23CNO2.072	Dương Tuấn Phát	29/10/2008	0	Yếu	
183	107	23CNO2	23CNO2.065	Trần Đình Nhật Nam	17/4/2008	0	Yếu	
184	108	23CNO2	23CNO2.063	Ngô Tiên Minh	18/12/2006	0	Yếu	
185	109	23CNO2	23CNO2.013	Nguyễn Hải Đăng	9/6/2006	0	Yếu	Cảnh cáo
186	110	23CNO2	23CNO2.073	Huỳnh Tấn Phát	18/11/2008	0	Yếu	
187	111	23CNO2	23CNO2.142	Nguyễn Đức Thành	26/3/2007	0	Yếu	
188	112	23CNO2	23CNO2.109	Phan Minh Trọng	13/10/2008	0	Yếu	
189	113	23CNO2	23CNO2.046	Bùi Mạnh Khang	14/6/2006	0	Yếu	
190	114	23CNO2	23CNO2.006	Trần Đặng Tuấn Anh	8/7/2008	0	Yếu	
191	115	23CNO2	23CNO2.056	Thái Võ Tuấn Kiệt	24/2/2008	0	Yếu	
192	116	23CNO2	23CNO2.012	Kỷ Nhật Cường	11/8/2007	0	Yếu	
193	117	23CNO2	23CNO2.082	Lê Văn Phúc	1/7/2004	0	Yếu	
194	118	23CNO2	23CNO2.007	Đặng Trần Gia Bảo	16/10/2007	0	Yếu	
195	119	23CNO2	23CNO2.017	Nguyễn Chấn Đông	5/2/2008	0	Yếu	
196	120	23CNO2	23CNO2.015	Vũ Văn Định	3/5/2008	0	Yếu	
197	121	23CNO2	23CNO2.031	Trần Trọng Hiếu	11/11/2008	0	Yếu	
198	122	23CNO2	23CNO2.086	Lý Văn Quý	21/2/2008	0	Yếu	
199	123	23CNO2	23CNO2.024	Dương Hoàng Duy	20/1/2008	0	Yếu	
200	124	23CNO2	23CNO2.034	Ngô Gia Hưng	20/8/2008	0	Yếu	
201	125	23CNO2	23CNO2.130	Quách Phạm Hưng Phú	16/6/2008	0	Yếu	
202	126	23CNO2	23CNO2.029	Hoàng Nguyễn Thanh Hiếu	21/3/2008	0	Yếu	
203	127	23CNO2	23CNO2.037	Thái Nguyễn Quốc Hưng	28/11/2007	0	Yếu	
204	128	23CNO2	23CNO2.074	Lê Huy Phát	18/11/2008	0	Yếu	
205	129	23CNO2	23CNO2.101	Phạm Văn Thuận	16/11/2008	0	Yếu	Cảnh cáo
206	130	23CNO2	23CNO2.102	Đào Tấn Thy	4/12/2008	0	Yếu	
207	131	23CNO2	23CNO2.117	Thái Hồng Vĩnh	28/8/2008	0	Yếu	
208	132	23CNO2	23CNO2.105	La Trần Minh Trí	19/7/2008	0	Yếu	
209	133	23CNO2	23CNO2.049	Nguyễn Diễm Khang	29/1/2008	0	Yếu	
210	134	23CNO2	23CNO2.026	Nguyễn Tân Bảo Duy	30/5/2008	0	Yếu	
211	135	23CNO2	23CNO2.038	Huỳnh Gia Huy	1/5/2008	0	Yếu	
212	136	23CNO2	23CNO2.036	Phùng Vĩnh Hưng	22/1/2005	0	Yếu	
213	137	23CNO2	23CNO2.094	Trần Phú Thiên	21/1/2008	0	Yếu	
214	138	23CNO2	23CNO2.093	Võ Văn Thắng	22/12/2008	0	Yếu	
215	139	23CNO2	23CNO2.010	Yến Quốc Bình	11/10/2008	0	Yếu	
216	140	23CNO2	23CNO2.001	Nguyễn Hoài An	16/5/2007	0	Yếu	
217	141	23CNO2	23CNO2.139	Lý Gia Hào	3/3/2007	0	Yếu	
218	142	23CNO2	23CNO2.140	Đinh Minh Phụng	9/2/2008	0	Yếu	
219	143	23CNO2	23CNO2.075	Nguyễn Hữu Phát	18/6/2008	0	Yếu	
220	144	23CNO2	23CNO2.050	Phạm Duy Khang	26/9/2008	0	Yếu	
221	145	23CNO2	23CNO2.018	Nguyễn Hữu Minh Đức	5/5/2008	0	Yếu	
222	146	23CNO2	23CNO2.033	Dương Quốc Hùng	15/5/2006	0	Yếu	
223	147	23CNO2	23CNO2.151	Nguyễn Trần Trường Sinh	2/9/2007	0	Yếu	
224	148	23CNO2	23CNO2.152	Trương Diệu Phong	14/12/2005	0	Yếu	
225	149	23CNO2	23CNO2.153	Phạm Trung Tín	13/8/2006	0	Yếu	
226	150	23CNO2	23CNO2.108	Trần Minh Trí	4/9/2008	0	Yếu	
227	151	23CNO2	23CNO2.071	Bùi Tiến Phát	17/10/2007	0	Yếu	
228	152	23CNO2	23CNO2.104	Huỳnh Thanh Tiến	18/12/2007	0	Yếu	
229	153	23CNO2	23CNO2.144	Phạm Khánh Quốc	17/1/2008	0	KXL	Bảo lưu
230	154	23CNO2	23CNO2.112	Huỳnh Quốc Tuấn	16/11/2005	0	KXL	Bảo lưu
231	155	23CNO2	23CNO2.085	Nguyễn Phương Quang	10/11/2007	0	KXL	Thôi học
VI. KHOA ĐIỆN								
Nghề Điện công nghiệp								
232	1	23ĐCN1	23ĐCN1.003	Lê Thế Phú	1/1/1997	84	Tốt	
233	2	23ĐCN1	23ĐCN2.004	Quan Gia Long	10/11/2008	80	Tốt	
234	3	23ĐCN1	23ĐCN2.005	Lư Chí Phú	3/6/2004	78	Khá	
235	4	23ĐCN1	23ĐCN2.003	Phạm Chấn Huy	6/3/2006	75	Khá	
236	5	23ĐCN1	23ĐCN1.001	Nguyễn Bùi Đức Phúc	3/10/2005	69	Trung bình	
237	6	23ĐCN1	23ĐCN1.002	Nguyễn Huỳnh Thanh Tú	25/12/2004	69	Trung bình	
238	7	23ĐCN1	23ĐCN2.006	Nguyễn Thanh Tú	18/8/2008	69	Trung bình	
239	8	23ĐCN1	23ĐCN1.004	Đặng Việt Long	2/9/2005	67	Trung bình	
240	9	23ĐCN2	23ĐCN2.002	Trần Minh Đạt	2/4/2008	69	Trung bình	
241	10	23ĐCN2	23ĐCN2.001	Nguyễn Thành An	28/10/2003	69	Trung bình	
VII. KHOA ĐIỆN TỬ								
Nghề Điện tử công nghiệp								
242	1	23ĐTCN1	23ĐTCN2.007	Trần Văn Mong	18/11/1999	91	Xuất sắc	
243	2	23ĐTCN1	23ĐTCN2.008	Tạ Tấn Phong	24/12/2008	77	Khá	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
244	3	23ĐTCN2	23ĐTCN2.001	Nguyễn Minh Hoàng	25/10/2001	88	Tốt	
245	4	23ĐTCN2	23ĐTCN2.003	Huỳnh Văn Phát	7/12/2008	80	Tốt	
246	5	23ĐTCN2	23ĐTCN2.002	Trần Bửu Lợi	19/11/2007	80	Tốt	
247	6	23ĐTCN2	23ĐTCN2.006	Lê Quốc Thịnh	8/10/2008	78	Khá	
248	7	23ĐTCN2	23ĐTCN2.004	Nguyễn Đại Phúc	3/8/2008	77	Khá	
249	8	23ĐTCN2	23ĐTCN2.005	Nguyễn Minh Quang	30/11/2008	75	Khá	
Nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính								
250	1	23SCMT1	23SCMT2.011	Nguyễn Đức Mạnh	27/12/1996	88	Tốt	
251	2	23SCMT1	23SCMT2.012	Nguyễn Công Thành	16/9/1997	86	Tốt	
252	3	23SCMT1	23SCMT1.002	Trần Ngọc Đăng Trường	10/10/2005	84	Tốt	
253	4	23SCMT1	23SCMT1.001	Nguyễn Huỳnh Tuấn Anh	13/5/2005	79	Khá	
254	5	23SCMT2	23SCMT2.001	Nguyễn Phúc Hòa	18/11/2008	88	Tốt	
255	6	23SCMT2	23SCMT2.007	Tạ Đình Phong	22/11/2008	82	Tốt	
256	7	23SCMT2	23SCMT2.005	Tăng Khánh Phát	16/4/2008	80	Tốt	
257	8	23SCMT2	23SCMT2.002	Trà Đăng Huy	7/4/2008	74	Khá	
258	9	23SCMT2	23SCMT2.008	Nguyễn Minh Tài	17/10/2008	73	Khá	
259	10	23SCMT2	23SCMT2.010	Phan Hoàng Thông	12/9/2008	0	Yếu	
260	11	23SCMT2	23SCMT2.009	Trương Diệu Thịnh	7/5/2007	0	Yếu	
261	12	23SCMT2	23SCMT2.003	Diệp Kiểm Lương	20/6/2008	0	Yếu	
262	13	23SCMT2	23SCMT2.006	Quách Tường Phong	7/8/2007	0	KXL	Thôi học
263	14	23SCMT2	23SCMT2.004	Lưu Duy Minh	9/9/2008	0	KXL	Thôi học
VIII. BỘ MÔN KỸ THUẬT NỮ CÔNG								
Nghề May thời trang								
264	1	23MTT1	23MTT1.001	Đặng Thị Linh	20/1/1997	84	Tốt	
265	2	23MTT2	23MTT2.002	Lâm Tuyết Ngân	4/8/2006	85	Tốt	
266	3	23MTT2	23MTT2.004	Lưu Bách Nhạc	16/9/2007	83	Tốt	
267	4	23MTT2	23MTT2.005	Nguyễn Bùi Mỹ Tuyền	22/4/2008	80	Tốt	
268	5	23MTT2	23MTT2.007	Trần Nhã Quỳnh	19/10/2004	77	Khá	
269	6	23MTT2	23MTT2.001	Cao Thanh Ngân	3/2/2008	73	Khá	
270	7	23MTT2	23MTT2.006	Lưu Mẫn Lợi	13/3/2008	67	Trung bình	
271	8	23MTT2	23MTT2.003	Tạ Thiên Ngân	23/1/2008	62	Trung bình	
IX. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN								
Nghề Quản trị mạng máy tính								
272	1	23QTM1	23QTM2.026	Đào Cẩm Siêu	1/1/2008	80	Tốt	
273	2	23QTM1	23QTM2.027	Trần Chí Thắng	18/11/2008	75	Khá	
274	3	23QTM1	23QTM2.024	Vũ Trần Yên Ngân	29/12/2003	73	Khá	
275	4	23QTM1	23QTM2.025	Nguyễn Thành Khoa	3/8/2006	70	Khá	
276	5	23QTM1	23QTM2.028	Nguyễn Thị Sao Mai	17/6/1987	0	Yếu	
277	6	23QTM1	23QTM2.032	Hồng Gia Phúc	7/2/2008	0	Yếu	
278	7	23QTM2	23QTM2.030	Phan Văn Tuấn Sang	5/7/2008	83	Tốt	
279	8	23QTM2	23QTM2.015	Huỳnh Hữu Tài	23/6/2008	81	Tốt	
280	9	23QTM2	23QTM2.003	Trần Thành Đạt	20/2/2008	84	Tốt	
281	10	23QTM2	23QTM2.004	Đặng Tuấn Khang	9/11/2007	80	Tốt	
282	11	23QTM2	23QTM2.007	Nguyễn Duy Khiêm	11/4/2008	80	Tốt	
283	12	23QTM2	23QTM2.012	Đoàn Thanh Trung Nghĩa	14/3/2008	78	Khá	
284	13	23QTM2	23QTM2.002	Hà Minh Cường	25/10/2007	78	Khá	
285	14	23QTM2	23QTM2.013	Huỳnh Nguyễn Huy Phát	11/11/2008	78	Khá	
286	15	23QTM2	23QTM2.029	Lâm Gia Bảo	1/2/2008	78	Khá	
287	16	23QTM2	23QTM2.031	Huỳnh Ngọc Quý	7/3/2006	77	Khá	
288	17	23QTM2	23QTM2.011	Vương Quang Minh	10/12/2008	77	Khá	
289	18	23QTM2	23QTM2.019	Lê Phước Toàn	15/8/2006	77	Khá	
290	19	23QTM2	23QTM2.014	Lê Nguyễn Anh Quân	12/11/2007	76	Khá	
291	20	23QTM2	23QTM2.023	Quang Nhật Vinh	26/12/2008	75	Khá	
292	21	23QTM2	23QTM2.008	Nguyễn Bảo Khoa	12/7/2008	75	Khá	
293	22	23QTM2	23QTM2.021	Nguyễn Thiên Tường	15/3/2008	74	Khá	
294	23	23QTM2	23QTM2.017	Phạm Minh Thuận	4/11/2007	74	Khá	
295	24	23QTM2	23QTM2.005	Nguyễn La Duy Khang	18/9/2007	73	Khá	
296	25	23QTM2	23QTM2.001	Đồng Đăng Hải Anh	21/5/2008	73	Trung bình	Cảnh cáo
297	26	23QTM2	23QTM2.022	Lương Gia Vĩ	6/9/2008	72	Trung bình	Cảnh cáo
298	27	23QTM2	23QTM2.016	Nguyễn Quốc Thái	13/5/2008	71	Khá	
299	28	23QTM2	23QTM2.006	Phạm Hoàng Khang	24/1/2008	56	Trung bình	
300	29	23QTM2	23QTM2.009	Lương Bửu Nhi	12/1/2008	0	KXL	Thôi học
301	30	23QTM2	23QTM2.010	Nguyễn Hữu Duy Khôi	20/9/2007	0	Yếu	
302	31	23QTM2	23QTM2.018	Nguyễn Hùng Tiến	16/10/2005	0	Yếu	
303	32	23QTM2	23QTM2.020	Nguyễn Nhật Trường	26/6/2008	0	Yếu	
Nghề Vẽ và thiết kế trên máy tính								
304	1	23TKĐH1	23TKĐH1.003	Trần Việt Thái	1/7/1999	90	Xuất sắc	
305	2	23TKĐH1	23TKĐH1.004	Lý Ngọc Yến	24/4/1995	86	Tốt	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
306	3	23TKĐH1	23TKĐH1.002	Nguyễn Phạm Thành Lợi	21/5/2005	84	Tốt	
307	4	23TKĐH1	23TKĐH2.081	Diệp Quang Phong	13/12/2002	82	Tốt	
308	5	23TKĐH1	23TKĐH2.082	Trần Gia Phú	27/10/2007	81	Tốt	
309	6	23TKĐH1	23TKĐH2.083	Tướng Vĩnh Phúc	18/9/2008	81	Tốt	
310	7	23TKĐH1	23TKĐH1.001	Phạm Cầu Minh Khang	23/8/2005	73	Khá	
311	8	23TKĐH1	23TKĐH2.093	Trần Ngọc Minh Tâm	1/10/1990	0	Yếu	
312	9	23TKĐH1	23TKĐH1.005	Nguyễn Song Ngân Quỳnh	14/9/2002	0	Yếu	
313	10	23TKĐH1	23TKĐH2.084	Lê Thanh Ngân	1/1/1997	0	Yếu	
314	11	23TKĐH1	23TKĐH2.085	Phan Trung Nghĩa	22/11/2008	0	Yếu	
315	12	23TKĐH2	23TKĐH2.002	Lưu Minh Anh	22/4/2008	86	Tốt	
316	13	23TKĐH2	23TKĐH2.055	Trần Văn Sơn	6/3/2004	86	Tốt	
317	14	23TKĐH2	23TKĐH2.020	Nguyễn Minh Huy	5/8/2008	85	Tốt	
318	15	23TKĐH2	23TKĐH2.078	Trần Lê Thủy Vy	3/8/2005	84	Tốt	
319	16	23TKĐH2	23TKĐH2.064	Phạm Thị Ngọc Thủy	10/1/2008	84	Tốt	
320	17	23TKĐH2	23TKĐH2.054	Trần Trúc Quỳnh	29/5/2008	84	Tốt	
321	18	23TKĐH2	23TKĐH2.010	Trương Bá Điều	31/3/2007	84	Tốt	
322	19	23TKĐH2	23TKĐH2.049	Nguyễn Quang Phúc	9/8/2008	82	Tốt	
323	20	23TKĐH2	23TKĐH2.079	La Kim Yên	2/3/2008	82	Tốt	
324	21	23TKĐH2	23TKĐH2.035	Vương Nhật Minh	16/5/2008	82	Tốt	
325	22	23TKĐH2	23TKĐH2.053	Nguyễn Vĩnh Quang	14/9/2008	82	Tốt	
326	23	23TKĐH2	23TKĐH2.094	Tạ Nguyễn Duy Phát	7/1/2007	82	Tốt	
327	24	23TKĐH2	23TKĐH2.038	Nguyễn Bảo Nghi	16/1/2008	81	Tốt	
328	25	23TKĐH2	23TKĐH2.056	Thái Như Tâm	27/12/2008	81	Tốt	
329	26	23TKĐH2	23TKĐH2.026	Nguyễn Hồ Hoàng Kim	15/5/2008	81	Tốt	
330	27	23TKĐH2	23TKĐH2.029	Trần Tấn Lộc	23/3/2008	81	Tốt	
331	28	23TKĐH2	23TKĐH2.025	Đinh Tuấn Kiệt	21/7/2008	81	Tốt	
332	29	23TKĐH2	23TKĐH2.047	Nguyễn Minh Phát	27/10/2008	81	Tốt	
333	30	23TKĐH2	23TKĐH2.076	Huỳnh Thanh Vy	29/3/2008	81	Tốt	
334	31	23TKĐH2	23TKĐH2.048	Hồ Gia Phú	8/6/2008	81	Tốt	
335	32	23TKĐH2	23TKĐH2.068	Nguyễn Thị Uyên Trang	4/11/2006	81	Tốt	
336	33	23TKĐH2	23TKĐH2.006	Hà Tuyết Băng	17/9/2008	81	Tốt	
337	34	23TKĐH2	23TKĐH2.016	Nguyễn Khải Hoàng	12/2/2008	81	Tốt	
338	35	23TKĐH2	23TKĐH2.001	Phạm Đăng An	28/6/2008	81	Tốt	
339	36	23TKĐH2	23TKĐH2.080	Nguyễn Thị Kim Yên	30/11/2008	80	Tốt	
340	37	23TKĐH2	23TKĐH2.018	Ngô Nguyễn Gia Huy	12/5/2008	79	Khá	
341	38	23TKĐH2	23TKĐH2.034	Mạch Phú Minh	29/3/2006	79	Khá	
342	39	23TKĐH2	23TKĐH2.024	Trần Anh Khoa	20/3/2008	79	Khá	
343	40	23TKĐH2	23TKĐH2.013	Trần Ngọc Bảo Hân	21/1/2005	79	Khá	
344	41	23TKĐH2	23TKĐH2.027	Đinh Hà Linh	25/9/2008	79	Khá	
345	42	23TKĐH2	23TKĐH2.073	Tô Trần Thanh Tuấn	22/12/2006	79	Khá	
346	43	23TKĐH2	23TKĐH2.023	Lê Đăng Khoa	1/11/2008	79	Khá	
347	44	23TKĐH2	23TKĐH2.036	Vũ Ngọc My	26/8/2008	79	Khá	
348	45	23TKĐH2	23TKĐH2.086	Phạm Trần Thanh Trường	13/8/2007	79	Khá	
349	46	23TKĐH2	23TKĐH2.031	Lưu Gia Mẫn	11/8/2007	79	Khá	
350	47	23TKĐH2	23TKĐH2.039	Lê Thanh Ngọc	23/7/2007	78	Khá	
351	48	23TKĐH2	23TKĐH2.092	Trương Gia Khánh	24/5/2002	78	Khá	
352	49	23TKĐH2	23TKĐH2.008	Đỗ Thụy Nhã Ca	13/10/2008	78	Khá	
353	50	23TKĐH2	23TKĐH2.005	Phạm Ngọc Ánh	4/9/2007	78	Khá	
354	51	23TKĐH2	23TKĐH2.071	Trần Nguyễn Thanh Trúc	5/8/2008	77	Khá	
355	52	23TKĐH2	23TKĐH2.066	Du Mẫn Tiên	5/5/2008	77	Khá	
356	53	23TKĐH2	23TKĐH2.004	Trần Lê Bảo Anh	8/5/2008	77	Khá	
357	54	23TKĐH2	23TKĐH2.060	Trần Huỳnh Minh Thư	13/9/2008	77	Khá	
358	55	23TKĐH2	23TKĐH2.070	Lư Trần Minh Triết	3/3/2008	77	Khá	
359	56	23TKĐH2	23TKĐH2.032	Đặng Quý Minh	6/4/2008	77	Khá	
360	57	23TKĐH2	23TKĐH2.033	Lương Hoàng Minh	14/11/2008	77	Khá	
361	58	23TKĐH2	23TKĐH2.059	Nguyễn Ngọc Anh Thư	20/8/2008	76	Khá	
362	59	23TKĐH2	23TKĐH2.046	Lê Trần Gia Ninh	27/9/2007	76	Khá	
363	60	23TKĐH2	23TKĐH2.042	Đặng Nguyễn Hữu Nhân	20/11/2006	76	Khá	
364	61	23TKĐH2	23TKĐH2.058	Đinh Vũ Minh Thư	1/2/2008	76	Khá	
365	62	23TKĐH2	23TKĐH2.012	Phạm Gia Hân	16/7/2008	76	Khá	
366	63	23TKĐH2	23TKĐH2.014	Trương Trung Hiếu	30/4/2008	76	Khá	
367	64	23TKĐH2	23TKĐH2.077	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	21/9/2008	75	Khá	
368	65	23TKĐH2	23TKĐH2.044	Trần Hạo Nhiên	4/11/2008	75	Khá	
369	66	23TKĐH2	23TKĐH2.052	Nguyễn Nhật Quang	18/1/2008	75	Khá	
370	67	23TKĐH2	23TKĐH2.062	Trần Ngọc Minh Thư	6/12/2008	74	Khá	
371	68	23TKĐH2	23TKĐH2.030	Lê Gia Mẫn	26/9/2008	74	Khá	
372	69	23TKĐH2	23TKĐH2.015	Đặng Thái Hòa	19/8/2005	74	Khá	
373	70	23TKĐH2	23TKĐH2.011	Lâm Gia Hân	2/8/2008	74	Khá	

TT	STT	Lớp	Mã số HS	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Ghi chú
374	71	23TKĐH2	23TKĐH2.040	Diệp Kim Nguyên	2/12/2008	74	Khá	
375	72	23TKĐH2	23TKĐH2.057	Nguyễn Duy Tân	27/11/2008	73	Khá	
376	73	23TKĐH2	23TKĐH2.041	Nguyễn Dương Thanh Nhã	22/9/2008	73	Khá	
377	74	23TKĐH2	23TKĐH2.007	Phan Ngân Bình	11/6/2008	72	Trung bình	Cảnh cáo
378	75	23TKĐH2	23TKĐH2.063	Lê Hoàng Thương	13/10/2006	70	Khá	
379	76	23TKĐH2	23TKĐH2.022	Du Tấn Khoa	20/1/2008	70	Khá	
380	77	23TKĐH2	23TKĐH2.067	Trương Lê Bảo Trân	2/12/2008	70	Khá	
381	78	23TKĐH2	23TKĐH2.019	Nguyễn Khắc Gia Huy	5/9/2008	68	Trung bình	Cảnh cáo
382	79	23TKĐH2	23TKĐH2.043	Hồ Trọng Nhân	18/10/2008	0	Yếu	
383	80	23TKĐH2	23TKĐH2.089	Nguyễn Đoàn Hoàng Trọng	20/10/2008	0	Yếu	
384	81	23TKĐH2	23TKĐH2.045	Tổng Tường Như	30/10/2008	0	Yếu	
385	82	23TKĐH2	23TKĐH2.050	Tô Hoàng Phúc	17/11/2006	0	Yếu	
386	83	23TKĐH2	23TKĐH2.051	Nguyễn Đăng Quang	6/10/2008	0	Yếu	
387	84	23TKĐH2	23TKĐH2.072	Phạm Quốc Trung	5/2/2008	0	Yếu	
388	85	23TKĐH2	23TKĐH2.065	Trần Ngọc Minh Thy	16/12/2008	0	Yếu	
389	86	23TKĐH2	23TKĐH2.069	Thạch Ngọc Trí	6/11/2007	0	Yếu	
390	87	23TKĐH2	23TKĐH2.074	Hoàng Quốc Việt	23/9/2008	0	Yếu	
391	88	23TKĐH2	23TKĐH2.075	Đào Thanh Vũ	1/11/2006	0	Yếu	
392	89	23TKĐH2	23TKĐH2.087	Nguyễn Đông Minh	7/6/2008	0	Yếu	
393	90	23TKĐH2	23TKĐH2.088	Dương Thái Nhật Chương	24/9/2006	0	Yếu	
394	91	23TKĐH2	23TKĐH2.090	Trần Ngọc Cát Tường	8/1/2006	0	Yếu	
395	92	23TKĐH2	23TKĐH2.091	Nguyễn Thị Tường Vy	12/10/2008	0	Yếu	
396	93	23TKĐH2	23CNO2.020	Nguyễn Quốc Dũng	8/11/2008	0	Yếu	
397	94	23TKĐH2	23TKĐH2.061	Trần Ngọc Minh Thư	1/7/2008	0	Yếu	
398	95	23TKĐH2	23TKĐH2.009	Đào Tuấn Đạt	19/4/2008	0	Yếu	
399	96	23TKĐH2	23TKĐH2.003	Nguyễn Trần Tuyết Anh	21/9/2008	0	Yếu	
400	97	23TKĐH2	23CNO2.089	Tô Tấn Tài	18/5/2007	0	Yếu	
401	98	23TKĐH2	23TKĐH2.017	Lý Quốc Huy	21/12/2006	0	Yếu	
402	99	23TKĐH2	23TKĐH2.021	Dương Chí Khang	14/1/2007	0	Yếu	
403	100	23TKĐH2	23TKĐH2.028	Quan Như Linh	2/9/2008	0	KXL	Thôi học
404	101	23TKĐH2	23TKĐH2.037	Lý Nguyễn Thanh Ngân	20/3/2008	0	KXL	Thôi học